



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE: 703-560-0058

IV#: _____

VEWL.#: _____

I-171#: _____ Y _____ NO _____

EXIT VISA#: _____

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM	<u>LÊ</u>	<u>MINH</u>	<u>QUANG</u>
(Ten Tu Nhan)	Last (Ho)	Middle	First (Ten)
Current Address:	<u>Ấp Long Thành A, Xã Long Khánh A, Huyện - Đồng Tháp</u>		
Date of Birth:	<u>04 - 04 - 1951</u>	Place of Birth: <u>Thị trấn Mỹ (Cần Thơ)</u>	
Previous Occupation (before 1975)	<u>Thiếu úy - Đại đội trưởng</u>		
(Rank & Position)			
2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP	Dates: From <u>05-02-1975</u> to <u>09-16-1981</u>		
(Thang - Ngày - Năm)	Years: <u>04</u> Months: <u>14</u> Days: <u>06</u>		
3. SPONSOR'S NAME:	_____		
(Neu co)	Name		
	Address and Telephone Number		
4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.			
	Name, Address & Telephone Number	Relationship	
	_____	_____	
	_____	_____	
	_____	_____	
	_____	_____	

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) :

LE MINH QUANG
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP PA.
1. Nguyễn Thị Minh Đài	1951	Vợ (F)
2. Lê Thị Thu Anh	1972	Con (F)
3. Lê Thị Kim Cúc	1973	Con (F)
4. Lê Minh Bảo	1983	Con (M)
5. Lê Quốc Bảo	1987	Con (M)

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :

- Lê Minh Quang sinh ngày 24-04-1951
 ở Cải tạo Khái sinh năm 1947.



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635

TELEPHONE: 703-560-0058

IV#: _____

VEWL.#: _____

I-171#: Y NO

EXIT VISA#: _____

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM LE MINH QUANG
(Ten Tu Nhan) 11 Last (Ho) Middle First (Ten)
Current Address: Ap. Long Thanh A, Xã Long Khánh A, Huyện Ngã - Đồng Tháp
Date of Birth: 04-24-1951 Place of Birth: Thị trấn Mỹ (Châu Thành)
Tháng - Ngày - Năm
Previous Occupation (before 1975): Thiếu úy - Đại Đ. Trưởng
(Rank & Position)
2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From 05-02-1975 To 09-16-1981
(Tháng - Ngày - Năm) Years: 04 Months: 14 Days: 06
3. SPONSOR'S NAME: _____
(Neu co) Name
Address and Telephone Number
4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

Name, Address & Telephone Number

Relationship

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : LÊ MINH QUANG
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
1. Nguyễn thị Minh Đài	1951	Vợ (F)
2. Lê thị Thu Anh	1972	Con (F)
3. Lê thị Xim Cui	1973	Con (F)
4. Lê Minh Bảo	1983	Con (M)
5. Lê Quốc Bảo	1982	Con (M)

DEPENDENT'S ADDRESS : (if different from above)

ADDITIONAL INFORMATION :

- Lê Minh Quang sinh ngày 24-04-1951
Đi Cải tạo Khau Bành Nam 1947.

INTAKE FORM (Two Copies)

MAU DON VE LY-LICH

NAME (Ten Tu-nhan) : LÊ MINH QUANG
 Last (Ten Ho) Middle (Giua) First (Ten goi)
 DATE, PLACE OF BIRTH : 04 24 1951
 (Nam, noi sinh) Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)

SEX (Nam hay Nu) : Male (Nam): NAM Female (Nu): ✓

MARITAL STATUS Single (Doc than): ✓ Married (Co lap gia dinh): CÓ
 (Tình trạng gia đình):

ADDRESS IN VIETNAM : Ấp Long Thành A, Xã Long Khánh A.
 (Địa chỉ tại Việt-Nam) Huyện Hồng Ngự - Tỉnh ĐỒNG THÁP.

POLITICAL PRISONER (Có là tù nhân tại VN hay không): Yes (Có) CÓ No (Không):

If Yes (Nếu có): From (Từ): 02-5-1975 To (Đến): 15-9-1981

PLACE OF RE-EDUCATION: TRẠI CẢI TẠO BẾN GIÁ (TỈNH CỬU LONG)
 CAMP (Trại tù)

PROFESSION (Nghề nghiệp): Sĩ QUAN TÁC CHIẾN (ASCN: 240.0)

EDUCATION IN U.S. (Đu học tại Mỹ): Sĩ QUAN QUÂN LỰC VIỆT NAM CỘNG HÒA
 VN ARMY (Quân đội VN) Rank (Cấp bậc): THIẾU-ÚY.

VN GOVERNMENT (Trọng chính phủ VN) Position (Chức vụ): ĐẠI ĐỘI TRƯỞNG
 Date (năm): 8 NĂM

APPLICATION FOR O.D.P. (Đã có nộp đơn cho ODP): Yes (Có): NO
 IV Number (Số hồ sơ): ✓
 No (Không): NO

NUMBER OF DEPENDENTS ACCOMPANYING (Số người đi theo): 05 NGƯỜI
 (Tên thân nhân tháp tùng) Xin ghi bên sau với đầy đủ chi

MAILING ADDRESS IN VN (Địa chỉ liên lạc tại VN): Ấp Long Thành A,
Xã Long Khánh A - Huyện Hồng Ngự - ĐỒNG THÁP.

NAME & ADDRESS OF SPONSOR/RELATIVE (Tên và Địa chỉ Thân nhân hay Người Bảo trợ)

U.S. CITIZEN (Quốc tịch Hoa-Ky): Yes (có): _____ No (Không): _____

RELATIONSHIP WITH PRISONER (Liên hệ với tù nhân tại VN): _____

NAME & SIGNATURE:

ADDRESS & TELEPHONE OF INFORMANT

(Tên, Chữ ký, Địa chỉ và Điện thoại của người liên lạc này) LÊ MINH QUANG

Ấp Long Thành A, Xã Long Khánh A
Huyện Hồng Ngự - Tỉnh ĐỒNG THÁP.
 DATE: 02 27 1990
 Month (Thang) Day (Ngày) Year (Năm)

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : LÊ MINH QUANG.
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
1. NGUYỄN THỊ MINH ĐẠI.	1951	VỢ.
2. LÊ THỊ THU ANH.	1972	CON GÁI.
3. LÊ THỊ KIM CÚC.	1973	CON GÁI.
4. LÊ MINH BẢO.	1983	CON TRAI.
5. LÊ QUỐC BẢO.	1987	CON TRAI.

DEPENDENT'S ADDRESS (if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :

- LÊ MINH QUANG - SỐ QUÂN : 71/104.607.
 - NHẬP NGŨ NGÀY 22-8-1968.
 - BỊ THƯƠNG 04 LẦN (HỒ SƠ ĐÍNH KÈM).
 - HÔN THỦ
 - KHAI SANH CÁC CON
 - GIẤY RA TRAI
- } HỒ SƠ ĐÍNH KÈM.

Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

Tỉnh Đồng Tháp

Hồng Ngự ngày 22 tháng 7 năm 1990.

Kính gửi: HỘI GIẢ ĐÌNH TỰ NHÂN CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
P.O BOX 5425, ARLINGTON, VA 22205-0625

ĐƠN XIN CAN THIỆP.

1- Tôi tên là: LÊ MINH QUANG
Số quân: 71/104.607 - CSA/TB.
Cấp bậc: Thiếu úy

Chức vụ: Đại đội trưởng
Đơn vị: Liên đoàn 901/ĐP/VLg.

2- Cải tạo từ 02-5-1975 đến 16-9-1981

Trại Cải tạo Bến Giá tỉnh Cửu Long.

3- Này bố tôi Hồ Sơ theo Mẫu của Hô
(tính kèm).

Tôi và gia đình tha thiết kêu gọi
quí Hội Cố gắng can thiệp và giúp đỡ
cho gia đình tôi sớm được đoàn tụ
tại Hoa Kỳ theo Chương trình HO.

Ở Việt Nam gia đình tôi đã hơn
hết Hồ Sơ xuất cảnh và đã được chuyển
về Bộ nội vụ (Cục quản lý Hồ Sơ Xuất
Chỉnh vào ngày 06-4-1990) Có phiếu báo
tính kèm.

Gia đình tôi đang gặp hơn cả
khó khăn không đủ chi trả lo dịch
vụ. (Đã được phía Việt Nam cấp Hồ chiếu

và lên danh sách phả hệ).

Tôi và gia đình luôn luôn đặt trọn
niềm tin vào quý Hội Can thiệp và
giúp đỡ cho.

Vấn đề dịch vụ? Gia đình tôi cũng
đủ lương kinh mong quý Hội thân tặng
Can thiệp và giúp đỡ cho
Cứu đói kinh của quý Hội
Nhiều bác khỏe.

Kính chào



Lê Minh Quang.

CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TỔNG HỢP

THẺ CÁN - CHỨC

Số: 028642

QUÂN NHÂN



Họ tên

LÊ MINH QUANG

Chức vụ

Thiếu úy

Số quân

71/104.607

Nơi, nơi sinh

24.04.1951

Thiên Mỹ Cần thơ

Tên

Lê điều Dương

Mẹ

Nguyễn thị Chác

AH 059705 Dấu vết hàng

Vết sẹo dài xiên ngoài
đuôi mồm phải.

Cao : 1th, 66

Loại máu : O rh-

Số thẻ dân-cưc dân sự : 06697002
Ngày, nơi cấp 26.12.73 VIC

KBC 2125 ngày 25.11.74

Kiểu-Tướng NGUYỄN-XUÂN-TRANG

Tham-Mưu-Phó Nhân-Viên

BỘ TÀI CHÍNH

Handwritten signature



Hồ sơ tên:
Lê Minh Quang



LÊ MINH QUANG.

Bộ thuế Hồ sơ là gửi

Vào ngày: 20-11-1989

Vn 22-02-1990

Gồm có: ĐƠN XIN CẤP THIẾT.

- Mẫu lý lịch: 05 bản

- Hình: 02 bản

- Câu Cước: 01 bản

- Phiếu báo Hồ sơ: 01 bản

- Hối báo thu đã nhận 02 bản



- Lê Minh Quang

Sq: 71/104.607

Cấp bậc: Thiếu úy

Chức vụ: Đại đội trưởng

Đơn vị: Liên đoàn 951

ĐP/VLg.

CỘNG AN TỈNH ĐỒNG THÁP
THÔNG QLNNN-XCNC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

Số 12 PB

PHIẾU BÁO

KÍNH GỎI Ông Lê Minh Quang

Hiện cư ngụ tại: Làng Thạnh A. Long khau A. Huyện

Phòng Quân lý Người nước ngoài và Xuất cảnh — Nhập cảnh thông báo đến
gia đình Ông Bà: Mười Quang

Hồ sơ xin xuất cảnh đến nước: Hồ sơ (H0)

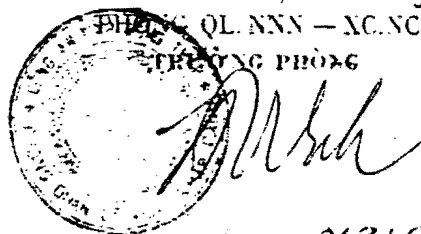
Thân nhân cùng đi gồm: 05 người

Hiện tại: Từ chuyên hồ sơ về đơn q/ly XNC
Hồ sơ

Vào ngày 06 tháng 4 năm 1980 theo phiếu số: 568/BCTX

Vậy xin thông báo đến Ông Bà rõ.

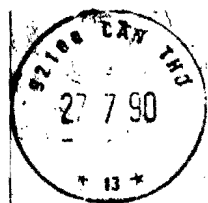
Ngày 10 tháng 4 năm 1980



Nguyễn Việt Châu

Đã: Lê Minh Quang
ấp Long Thành A. Xã Long Khánh
Thị trấn Hồ Chí Minh. Bình Thuận
VN

MAY DAY
PAR AVION



TO: P.O. BOX 5435,
ARLINGTON VA 22205-0635,
U.S.A.

AUG 13 1990



P.O. BOX 5435, ARLINGTON VA 22205-0635
TELEPHONE: 703-998-7850

Bổ túc Việt Báo

Ngày 12 Tháng 6 năm 1980

Ngày 2-7-1980

Kính gửi :

C. Lê Minh Thảo

Thưa Ông/Bà,

Chúng tôi rất cảm động khi nhận được thư của Ông/Bà
đề ngày. 22/2/80.

Điều làm cho chúng tôi vui mừng hơn là được biết Ông/Bà
vẫn mạnh và kiên tâm chờ ngày đoàn tụ.

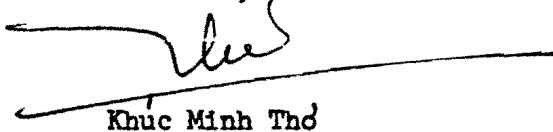
Mặc dù đường xa xôi, cách trở ngàn trùng, Ông/Bà vẫn
nhớ đến chúng tôi. Để đáp lại thịnh tình đó, chúng tôi luôn
luôn lo xúc tiến công việc, hy vọng mọi diễn tiến điều hòa để
sớm đem lại kết quả mong muốn.

Tuy nhiên, chúng tôi thiên nghĩ chỉ lo dồn phụng dưỡng
những vấn đề về phía chúng tôi, còn phần bên phía Ông/Bà nên
tích cực từ lo về phần liên hệ của mình thì mới mong có kết
quả tốt đẹp.

Hơn nữa, chúng tôi cũng muốn lưu ý Ông/Bà, vấn đề kinh
tế không phải là một tiêu chuẩn, vì vậy ta nên tranh để cấp
tối. Mong Ông/Bà hiểu cho điều này.

Câu chúc Ông/Bà may mắn và xin giữ vững niềm tin.

Kính thư,



Khúc Minh Thảo

Bồi dưỡng Hết báo ---*---
Ngày 22-7-1990

Ngày 6 Tháng 8 Năm 1990

Kính gửi : Đ. LÊ MINH QUANG

Thưa Ông/Bà,

Chúng tôi rất cảm động khi nhận được thư của Ông/Bà
đề ngày 20.11.1989.

Điều làm cho chúng tôi vui mừng hơn là được biết Ông/Bà
vẫn mạnh và kiên tâm chờ ngày đoàn tụ.

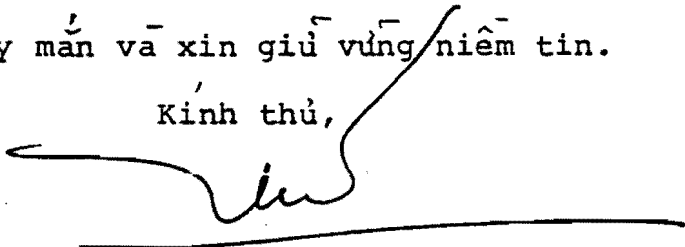
Mặc dù đường xá xa xôi, cách trở ngàn trùng, Ông/Bà vẫn
nhớ đến chúng tôi. Để đáp lại thịnh tình đó, chúng tôi luôn
luôn lo xúc tiến công việc, hy vọng mọi diễn tiến điều hòa để
sớm đem lại kết quả mong muốn.

Tuy nhiên, chúng tôi thiên nghĩ chỉ lo dồn phưởng được
những vấn đề về phía chúng tôi, còn phần bên phía Ông/Bà nên
tịch cực tu lo về phần liên hệ của mình thì mới mong có kết
quả tốt đẹp.

Hơn nữa, chúng tôi cũng muốn lưu ý Ông/Bà, vấn đề kinh
tế không phải là một tiêu chuẩn, vì vậy ta nên tránh đề cập
tới. Mong Ông/Bà hiểu cho điều này.

Câu chúc Ông/Bà may mắn và xin giữ vững niềm tin.

Kính thư,


Khúc Minh Thơ

* HỒ SƠ TÊN:

LE MINH-QUANG

INTAKE FORM (Two Copies)
MAU DON VE LY-LICH

NAME (Ten Tu-nhan) : LÊ MINH QUANG
Last (Ten Ho) Middle (Giua) First (Ten goi)
DATE, PLACE OF BIRTH : 04 24 1951
(Nam, noi sinh) Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)

SEX (Nam hay Nu) : Male (Nam): Nam Female (Nu): —

MARITAL STATUS Single (Doc than): — Married (Co lap gia dinh): Có
(Tinh trang gia dinh):

ADDRESS IN VIETNAM : Ấp Long Thành A, Xã Long Khánh A
(Dia chi tai Viet-Nam) Huyện Hồng Ngự - Tỉnh Đồng Tháp

POLITICAL PRISONER (Co la tu nhan tai VN hay khong): Yes (Co) Có No (Khong) —

If Yes (Neu co): From (Tu): 02-5-1975 To (Den): 15-9-1981

PLACE OF RE-EDUCATION: Trại Cải tạo Bến Giã, tỉnh Cửu Long
CAMP (Trai tu)

PROFESSION (Nghe nghiep): Sĩ Quan táe Chiến (ASCN: 240.00)

EDUCATION IN U.S. (Du hoc tai My): Thiếu úy

VN ARMY (Quan doi VN) Rank (Cap bac): Thiếu úy

VN GOVERNMENT (Trong chinh phu VN) Position (Chuc vu): Đại đội trưởng
Date (nam): 08

APPLICATION FOR O.D.P. (Da co nap don cho ODP): Yes (Co): — No (Khong): Không
IV Number (So ha so): —

NUMBER OF DEPENDENTS ACCOMPANYING (So nguai di theo): 05 người
(Ten than nhan thap tung) Xin ghi ben sau voi day du chi

MAILING ADDRESS IN VN (Dia chi lien lac tai VN): Ấp Long Thành A
Xã Long Khánh A, Huyện Hồng Ngự - Tỉnh Đồng Tháp

NAME & ADDRESS OF SPONSOR/RELATIVE (Ten va Dia chi Than nhan hay Nguai Bao tro):

U.S. CITIZEN (Quoc tịch Hoa-Ky): Yes (co): — No (Khong): —

RELATIONSHIP WITH PRISONER (Lien he voi tu nhan tai VN): —

NAME & SIGNATURE:

ADDRESS & TELEPHONE OF INFORMANT
(Ten, Chu ky, Dia chi va Dien thoai cua nguoi dien den nay) Lê Minh Quang
Ấp Long Thành A - Xã Long Khánh A
Huyện Hồng Ngự - Tỉnh Đồng Tháp

DATE: 62 23 1990
Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) :

Lê Minh Quang
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
1. Nguyễn Thị Minh Đại	1951	Vợ
2. Lê Thị Thu Anh	1972	Con gái
3. Lê Thị Kim Cúc	1973	Con gái
4. Lê Minh Bảo	1983	Con trai
5. Lê Quốc Bảo	1987	Con trai

DEPENDENT'S ADDRESS (if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :

- Lê Minh Quang Sg: 71/104.607

Sinh năm 1951 là đảng

Sinh năm 1942 Khai vũ CS.

INTAKE FORM (Two Copies)
MAU DON VE LY-LICH

NAME (Ten Tu-nhan) : LE MINH QUANG
Last (Ten Ho) Middle (Giua) First (Ten goi)

DATE, PLACE OF BIRTH : 04 24 1951
(Nam, noi sinh) Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)

SEX (Nam hay Nu) : Male (Nam): Nam Female (Nu): Co

MARITAL STATUS Single (Doc than): Co Married (Co lap gia dinh): Co
(Tinh trang gia dinh):

ADDRESS IN VIETNAM : Xã Long Thành A - Xã Long Khánh A
(Dia chi tai Viet-Nam) Huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp

POLITICAL PRISONER (Co la tu nhan tai VN hay khong): Yes (Co) Co No (Khong)

If Yes (Neu co): From (Tu): 02-5-1975 To (Den): 15-9-1981

PLACE OF RE-EDUCATION: Trại Cải tạo Bùn Giã; tỉnh Cần Long
CAMP (Trai tu)

PROFESSION (Nghe nghiep): Si Quân Lực Chiến (ASCN: 240.00)

EDUCATION IN U.S. (Du hoc tai My): Thiếu tá
VN ARMY (Quan doi VN) Rank (Cap bac): Đại tá
VN GOVERNMENT (Trong chinh phu VN) Position (Chuc vu): Đại tá
Date (nam): 08

APPLICATION FOR O.D.P. (Da co nap don cho ODP): Yes (Co): Co
IV Number (So ho so): Không
No (Khong): Không

NUMBER OF DEPENDENTS ACCOMPANYING (So nguoi di theo): 05 người
(Ten than nhan thap tung) Xin ghi ben sau voi day du chi

MAILING ADDRESS IN VN (Dia chi lien lac tai VN): Xã Long Thành A
Xã Long Khánh A, Huyện Hồng Ngự - Đồng Tháp

NAME & ADDRESS OF SPONSOR/RELATIVE (Ten va Dia chi Than nhan hay Nguoi Bao tro)

U.S. CITIZEN (Quoc tịch Hoa-Ky): Yes (co): Co No (Khong): Co

RELATIONSHIP WITH PRISONER (Lien he voi tu nhan tai VN):

NAME & SIGNATURE: LE MINH QUANG
ADDRESS & TELEPHONE OF THEORETIC (Ten, Chu ky, Dia chi va Dien thoai cua nguoi dien tu nay)
Xã Long Thành A, Xã Long Khánh A
Huyện Hồng Ngự - Đồng Tháp

DATE: 02 23 1990
Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) :

Lê Minh Quang
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
1 Nguyễn Thị Minh Đài	1951	Vợ
2 Lê Thị Thu Anh	1972	Con gái
3 Lê Thị Kim Cúc	1973	Con gái
4 Lê Minh Bảo	1983	Con trai
5 Lê Quốc Bảo	1987	Con trai

DEPENDENT'S ADDRESS (if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :

- Lê Minh Quang SQ: 71/104.607
 Sinh năm 1951 là đảng
 Sinh năm 1947 Khai Vở CS.

BỘ NỘI VỤ
CỤC QUẢN LÝ TRẠI GIAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

- 000 -
TRẠI CẢI TẠO BẾN GIÀ
Số: 525 /GRT -81

GIẤY RA TRẠI

Căn cứ chỉ thị số 316/TTg ngày 22/8/1977 của Thủ Tướng Chính Phủ Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam về chính sách đối với binh sĩ, nhân viên các cơ quan chính quyền của chế độ cũ và đảng phái phản động đang bị tập trung cải tạo.

Căn cứ thông tư Liên Bộ Quốc Phòng-Nội vụ số: 07/TT/LB Ngày 29/12/1977 về việc thực hiện chỉ thị số: 316/TTg ngày 22/8/1977 của Thủ Tướng Chính Phủ.

Thi hành quyết định số: 2061 QĐ.UBT-81 Ngày 10-09-1981

CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CẦU LONG
CẤP GIẤY RA TRẠI

- Họ và tên: Lê Minh Quang
Ngày, tháng, năm sinh: 1947
Quê quán: Thị trấn Mỹ, Vĩnh Long
Trú quán: Ấp Long, Huyện A, Long Khánh, Đồng Tháp
Số lính, cấp bậc, chức vụ trong bộ máy chính quyền
Quân sự và các tổ chức chính trị phản động của chế
độ cũ: Thiếu úy đơn đốc trưởng liên đoàn 951 học
An Vĩnh Hưng

- Khi về, phải trực tiếp trình ngay giấy này với Ủy Ban Nhân dân xã, Công an xã, Phường: Long Khánh
thuộc huyện, quận: Hồng Ngự tỉnh, thành phố: Đồng Tháp
và phải tuân theo các qui định của Ủy Ban Nhân Dân tỉnh, thành phố về việc quản chế, về nơi cư trú và các mặt quản lý khác:

- Thời hạn quản chế: Mười hai tháng
- Thời hạn đi đường: Ngày (kể từ ngày ký giấy ra trại)
- Tiền và lương thực đi đường đã cấp: _____

11/gày 15 tháng 09 năm 1981
P. GIÁM THỊ TRẠI

Trưởng ủy: Nguyễn Văn Cao

BỘ QUỐC-PHÒNG

CỤC QUÂN-Y

GIẤY CHỨNG NHẬN

Đơn-vị Bộ Y tế tại Trại G
Số 217 tại số cũ

- a) Khám hay đi khám,
b) Chỉ rõ đơn vị và cấp bậc đương sự.
c) Chỉ tiết bình trạng, vết thương hay tật nguyên.

Khổ giấy: 0m13x021 (a) _____

Chúng tôi ký tên dưới đây Y-Sĩ ĐUY-QUY PHAM-NGOC-ANH

chứng nhận rằng

Ch Lê Minh Quang

Sanh tại _____

(b) SQ: 104607 #44 ĐĐGbị (c) Polycémie de la jambe droite
avec fracture de tibiaTheo đó chúng tôi cho rằng những điều ghi chú kể trên
có kết quả là Đ/s Khép viên ngày 18-10-72Khép viên ngày 07-11-72K.B.C. 4308 ngày 06-11-1972Kiến-thị: Y-Sĩ TRƯỞNG.

Y-Sĩ ĐUY-QUY PHAM-NGOC-ANH

MẪU
30.04.65 QD-678

HÀNG - CÔNG - THẬN .

— 2000 —

617K / 13 . .

1285 / 2TK / W / B .

a) jưưưưưưư .

ông tá lưưưưưưư

th. lưưưưưưư
jưưưư

lưưưưưưư

lưưưưưưư

lưưưưưưư

lưưưưưưư

lưưưưưưư

1285 / 2TK / W / B .

— 2000 —

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
BỘ QUÂN-POHÔNG
CỤC QUÂN-Y

MÀU SỐ 8

GIẤY CHỨNG NHẬN

- a) Khám luận tài khám,
b) Chứng nhận vị và cấp
bác sĩ tương đương.
c) Chỉ tiết bình trạng, vết
thương hay tật nguyên.

Đơn vị: _____
Số _____ tại số cái _____

Khổ giấy: 0m13 x 021

Chúng tôi ký tên dưới đây _____

chứng nhận rằng _____

Họ tên: Trần Văn Quang
Số: 21/104.60
TR/UL

Sanh tại _____

(b) _____

bị (c) _____

Đang học khám tại camp tại P

Theo đó chúng tôi cho rằng những điều ghi chú kể trên
có kết quả là _____

K. C. 4/74 ngày 26/11 / 19 74

Kiểm-đi: Y-SI-TUONG.

T. S. TRU-TUNG

VIỆT NAM CỘNG - HÒA

TỈNH VĨNH-LONG

QUẬN CHÂU-THÀNH

XÃ LONG-CHÂU

Số hiệu : 53

TRÍCH - LỤC

CHỨNG THƯ HÔN THỦ

Tên họ người chồng LÊ-MINH-QUANG
Nghề nghiệp QUÂN-NHÂN
Sanh ngày Hai mươi bốn, tháng tư năm 1951 (24.4.1951)
Tại THIỆN-MỸ (CẦN-THƠ)
Cư sở tại LONG-CHÂU (VĨNH-LONG)
Tạm trú tại KBC:4.253.
Tên họ Cha chồng LÊ-ĐIỀU-DƯƠNG (sống)
sống chết phải nói
Tên họ Mẹ chồng NGUYỄN-THỊ-CHẮC (sống)
sống chết phải nói
Tên họ người vợ NGUYỄN-THỊ-MINH-ĐÀI
Nghề - nghiệp TÁ-VIỆN ĐIỀU-DƯƠNG .
Sanh ngày Mười chín, tháng sáu năm 1951 (19-6-1951)
Tại TÂN-LẬP-PHÚ (BÌNH-LONG)
Cư sở tại PHÚ-VĨNH (CHÂU-ĐỐC)
Tạm trú tại BỆNH-VIỆN VĨNH-BÌNH.
Tên họ Cha vợ NGUYỄN-VAN-BIÊN (sống)
sống chết phải nói
Tên họ Mẹ vợ HUYỀN-THỊ-NHI (sống)
sống chết phải nói
— Ngày cưới 01-5-1.972 (giờ 11 giờ)
— Vợ chồng khai có hay không lập hôn ước //
Ngày // tháng // năm //
Tại //

TRÍCH Y BỒN CHÁNH

LONG-CHÂU, ngày 15 tháng 5 năm 1972

Viên Chức Hộ - Tịch

MIỄN THI-THỰC



ỦY VIÊN HỘ-TỊCH

VIỆT - NAM CỘNG - HÒA

Số 117/HCT/AD

TỈNH VINH - LONG

CHAU - THANH

QUẬN

AN - DUC

XÃ

CHỨNG CHỈ SỐNG CHUNG

XÃ - TRƯỜNG XÃ

Chứng Nhận :

Ông LE - MINH - QUANG căn - cước số 1 cấp tại Quận Thủ Đức

ngày 24 - 04 - 1951 nghề - nghiệp NGUYEN THI MINH - DAI

sinh ngày 19 - 6 - 1951 và vợ là 53

sinh ngày 01 - 05 - 1972 và hôn thú số Long - Chau (VINH - LONG)

lập ngày 01 - 05 - 1972 tại Long - Chau (VINH - LONG) cùng các con kê sau :

1 LE THI THU - ANH : 01 - 05 - 1972 tại Hy - Hoa (VINH - LONG)

do giấy khai - sanh số 309 Sanh ngày 01 - 05 - 1972 tại Long - Chau (VINH - LONG)

2 LE THI KIM - OUC Sanh ngày 01 - 05 - 1972 tại Long - Chau (VINH - LONG)

do giấy khai - sanh số 2096 Sanh ngày 01 - 05 - 1972 tại Long - Chau (VINH - LONG)

3 LE THI THU - ANH Sanh ngày 01 - 05 - 1972 tại Long - Chau (VINH - LONG)

do giấy khai - sanh số 309 Sanh ngày 01 - 05 - 1972 tại Long - Chau (VINH - LONG)

4 LE THI THU - ANH Sanh ngày 01 - 05 - 1972 tại Long - Chau (VINH - LONG)

do giấy khai - sanh số 309 Sanh ngày 01 - 05 - 1972 tại Long - Chau (VINH - LONG)

5 LE THI THU - ANH Sanh ngày 01 - 05 - 1972 tại Long - Chau (VINH - LONG)

do giấy khai - sanh số 309 Sanh ngày 01 - 05 - 1972 tại Long - Chau (VINH - LONG)

6 LE THI THU - ANH Sanh ngày 01 - 05 - 1972 tại Long - Chau (VINH - LONG)

do giấy khai - sanh số 309 Sanh ngày 01 - 05 - 1972 tại Long - Chau (VINH - LONG)

7 LE THI THU - ANH Sanh ngày 01 - 05 - 1972 tại Long - Chau (VINH - LONG)

do giấy khai - sanh số 309 Sanh ngày 01 - 05 - 1972 tại Long - Chau (VINH - LONG)

8 LE THI THU - ANH Sanh ngày 01 - 05 - 1972 tại Long - Chau (VINH - LONG)

do giấy khai - sanh số 309 Sanh ngày 01 - 05 - 1972 tại Long - Chau (VINH - LONG)

9 LE THI THU - ANH Sanh ngày 01 - 05 - 1972 tại Long - Chau (VINH - LONG)

do giấy khai - sanh số 309 Sanh ngày 01 - 05 - 1972 tại Long - Chau (VINH - LONG)

10 LE THI THU - ANH Sanh ngày 01 - 05 - 1972 tại Long - Chau (VINH - LONG)

do giấy khai - sanh số 309 Sanh ngày 01 - 05 - 1972 tại Long - Chau (VINH - LONG)

do giấy khai - sanh số 309 Sanh ngày 01 - 05 - 1972 tại Long - Chau (VINH - LONG)

do giấy khai - sanh số 309 Sanh ngày 01 - 05 - 1972 tại Long - Chau (VINH - LONG)

do giấy khai - sanh số 309 Sanh ngày 01 - 05 - 1972 tại Long - Chau (VINH - LONG)

do giấy khai - sanh số 309 Sanh ngày 01 - 05 - 1972 tại Long - Chau (VINH - LONG)

do giấy khai - sanh số 309 Sanh ngày 01 - 05 - 1972 tại Long - Chau (VINH - LONG)

do giấy khai - sanh số 309 Sanh ngày 01 - 05 - 1972 tại Long - Chau (VINH - LONG)

do giấy khai - sanh số 309 Sanh ngày 01 - 05 - 1972 tại Long - Chau (VINH - LONG)

do giấy khai - sanh số 309 Sanh ngày 01 - 05 - 1972 tại Long - Chau (VINH - LONG)

do giấy khai - sanh số 309 Sanh ngày 01 - 05 - 1972 tại Long - Chau (VINH - LONG)

do giấy khai - sanh số 309 Sanh ngày 01 - 05 - 1972 tại Long - Chau (VINH - LONG)

do giấy khai - sanh số 309 Sanh ngày 01 - 05 - 1972 tại Long - Chau (VINH - LONG)

do giấy khai - sanh số 309 Sanh ngày 01 - 05 - 1972 tại Long - Chau (VINH - LONG)

do giấy khai - sanh số 309 Sanh ngày 01 - 05 - 1972 tại Long - Chau (VINH - LONG)



NGUYỄN - VĂN - QUỘI

CHUNG CHI SONG CHUNG

SA - DUC

Chung Nhap

SA - HON - CHUNG

SA - HON - CHUNG

SA - HON - CHUNG

SA - HON - CHUNG

SA - HON - CHUNG

(CHUNG CHI) SA - HON - CHUNG

SA - HON - CHUNG

(CHUNG CHI) SA - HON - CHUNG

Thieu Uy LE MINH QUANG vs Vo + 02 Con
Hien Cu ngu tai Trai Gia Binh Tieu-

SA - HON - CHUNG

Doan lhh/DP.Thuoc Ka An - Duc (Vinh-Long)

Kinh nho Uy Ban Hinh Chanh Ka Giup Do cho

Si Quan Duong su Chung Chi Song Chung.

KBC.6880.Ngay 15 Thang 02 nam 1973

Trung Uy PHAN-VAN-SOQ
Đại.Đại.Trưởng



Thieu Uy LE MINH QUANG

Thieu Uy LE MINH QUANG vs Vo + 02 Con

SA - HON - CHUNG

SA - HON - CHUNG

SA - HON - CHUNG



KHAI SANH

Tên họ ấu nhi: LI - THI THU - ANH

Phái: Nữ

Sanh: Ngày ba Tháng chín Dương Lịch. Năm Một
Ngày tháng năm
Ngàn chín Trăm Bảy Mươi Hai (30.9.1972).

Tại: Mỹ - Hoa (VINH-BINH) .

Cha: LI - MINH - QUANG
Tên họ

Tuổi: Hai Mươi Một Tuổi .

Nghề nghiệp: Quan - Nhân

Cư trú tại: Mỹ - Hoa

Mẹ: NGUYEN - THI MINH - DAI
Tên họ

Tuổi: Hai Mươi Một Tuổi .

Nghề nghiệp: Ta-Viên Diêu-Dương

Cư trú tại: Mỹ - Hoa

Vợ: Hồ Thanh (Hôn-Thu số 53).
Chánh họ/thứ

Người khai: LI - MINH - QUANG
Tên họ

Tuổi: Hai Mươi Một Tuổi .

Nghề nghiệp: Quan - Nhân .

Cư trú tại: Mỹ-Hoa

Ngày khai: Ngày ba Tháng Mười Năm Một Ngàn chín
Trăm Bảy Mươi Hai (03.10.1972).

Người chứng thứ nhất: LY - BA - TONG
Tên họ

Tuổi: Hai Mươi Lăm Tuổi.

Nghề nghiệp: Quan - Nhân

Cư trú tại: Mỹ-Hoa

Người chứng thứ nhì: Tang - Văn - TƯ
Tên họ

Tuổi: Năm Mươi Sáu Tuổi.

Nghề nghiệp: Thợ Họ

Cư trú tại: Mỹ-Hoa

- SẠO Y HỒ CHANH :

Khai nam 1972. LƯU-TRƯ
 Tại Xa,

Mỹ-Hoa, ngày 16-02-1973.

Khai sinh Kien Ho-Tich



Lập tại xã _____, ngày _____ 197

Người khai, _____ Hộ lại, _____ Nhân chứng.

LI-MINH-QUANG (Ký-Tên) LAI-THUOC-HAO (Ký-Tên)

(Ký-Tên)

LAI-THUOC-HAO

(Ký-Tên)

2- Tang-Van-Tu

(Ký-Tên)

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

TỈNH Vĩnh Long

QUẬN Châu-Thành

XÃ Long-Châu

Số hiệu 2896

(HỒ SƠ QUÂN-NHÂN)



TRÍCH - LỤC BỘ KHAI-SANH

Lập ngày 11 tháng 12 năm 1973

Tên họ đứa trẻ LÊ-THỊ-KIM-CÚC

Con gái hay trai : Nữ

Ngày mười một tháng mười hai dương lịch
năm một ngàn chín trăm bảy mươi ba.

Ngày sanh :

Nơi sanh : Long-Châu (Vĩnh Long)

Tên họ người cha : Lê-Minh-Quang

Tên họ người mẹ : Nguyễn-Thị-Minh-Dài

Vợ chánh hay không
có hôn thú : VỢ-CHÁNH

Tên họ người đứng khai : Lê-Minh-Quang

TRÍCH-LỤC Y BẢN CHÁNH

MIỄN THỊ-THỰC

LONG-CHÂU ngày 14 tháng 12 năm 1973

Xã-Trưởng _____ Ủy-Viên Hộ-Tịch,



TRẦN-VĂN-LÂN

ỦY BAN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Xã, phường Long Khánh Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Huyện, Quận Huyện Ngàn
Tỉnh, Thành phố Đông Tháp

Mẫu TP/HT 3
Số 157
Quyền số 05



GIẤY KHAI SINH

(BẢN SAO)

Họ và tên Lê Minh Đại Nam hay nữ Nam
Ngày, tháng, năm sinh Hai mươi bảy, tháng hai, năm một ngàn chín trăm tám mươi ba (27-02-1983)
Nơi sinh Xã Long Khánh
Dân tộc Kinh Quốc tịch Việt Nam

Phần khai về cha, mẹ	Người mẹ	Người cha
Họ và tên	<u>Lê Nguyễn Thị Minh Đại</u>	<u>Lê Minh Quang</u>
Tuổi	<u>32 tuổi</u>	<u>36 tuổi</u>
Dân tộc	<u>Kinh</u>	<u>Kinh</u>
Quốc tịch	<u>Việt Nam</u>	<u>Việt Nam</u>
Nghề nghiệp	<u>Làm ruộng</u>	<u>Làm ruộng</u>
Nơi thường trú	<u>Long Khánh A</u>	<u>Long Khánh A</u>

5/89 QB 26/J/QB - HT

Họ tên, tuổi, nơi thường trú, số giấy chứng minh thư của người đứng khai
Nguyễn Thị Minh Đại Long Khánh A - Xã Long Khánh
CMND 381.234.251134

Đăng ký ngày 21 tháng 3 năm 1988

Người đứng khai
Nguyễn Thị Minh Đại

Xã Long Khánh
P. Chủ tịch
Thái Bảo Nghiệp



CHỨNG NHẬN SAO Y BẢN CHÍNH



Ngày 10 tháng 9 năm 1989
TAM UBND
kết luận, đóng dấu

Thái Bảo Nghiệp

ỦY BAN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Xã, phường Long Khánh Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Huyện, Quận Hồng Ngự
Tỉnh, Thành phố Đồng Tháp

Mẫu TP/HT 3
Số... 321...
Quyển số... 11...



GIẤY KHAI SINH

(BẢN SAO)

Họ và tên Lê Quốc Bảo Nam hay nữ Nam
Ngày, tháng, năm sinh Mười Hai, tháng tám, năm Một ngàn
chín trăm tám mươi bảy (12-8-1987)
Nơi sinh Long Khánh
Dân tộc Kinh Quốc tịch Việt Nam

Phần khai về cha, mẹ	Người mẹ	Người cha
Họ và tên	<u>Nguyễn Thị Minh Đài</u>	<u>Lê Minh Quang</u>
Tuổi	<u>1951</u>	<u>1947</u>
Dân tộc	<u>Kinh</u>	<u>Kinh</u>
Quốc tịch	<u>Việt Nam</u>	<u>Việt Nam</u>
Nghề nghiệp	<u>Làm ruộng</u>	<u>Làm ruộng</u>
Nơi thường trú	<u>Long Thành A, Long Khánh, Hồng Ngự - Đồng Tháp</u>	<u>Long Thành A, Long Khánh, Hồng Ngự - Đồng Tháp</u>

Họ tên, tuổi, nơi thường trú, số giấy chứng minh thư của người đứng khai
Lê Minh Quang, Long Thành A, xã Long Khánh, Hồng Ngự
Đồng Tháp CMND số 340861772

Đăng ký ngày 09 tháng 3 năm 1988

Người đứng khai

Lê Minh Quang

ỦY BAN NHÂN DÂN
Xã Long Khánh
P. Chủ tịch

Trần Thanh Hòa



CHỨNG NHẬN SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 12 tháng 9 năm 1989



ỦY BAN NHÂN DÂN
Xã Long Khánh
P. Chủ tịch

Thân Bảo Nghiệp

Long Khánh A - ngày 22/02/90.

Kính thưa Cô.

Tên là: LÊ MINH QUANG - Sg: 71/104607
cấp bậc: thiếu úy, Chức vụ: Đại đội trưởng
Đơn vị: Liên Đoàn 951/ĐP/Vg.

Có gửi Hồ-Sơ qua cho Cô?

Lần 1 = ngày 23-11-1990

Lần 2 = ngày 25-12-1990 (bỏ túi)

Bên này Cô có nhận được không?

Trường hợp Hồ-Sơ của tôi có gì
thiếu sót không? Mong Cô cho tôi
hỏi, bên như tôi nóng lòng chờ đợi
tình Cô.

Mặc dù hiện tại, bên như gặp
nhiều khó khăn, tôi vẫn can đảm
mong chờ tình Cô.

Hoàn cảnh tôi và gia đình hiện
tại rất trơn tru niềm tin với Cô và
Đội Hối. Vậy mong Cô cũng Đợi
hỏi tôi cố gắng can thiệp và giúp đỡ
chic.

Được thư này, mong Cô thông.

Báo cho tôi số, để tôi được an lòng.
Đã với Hồ-Số tôi cũng làm và
gửi một list với anh Nguyễn Hữu Hào
để anh Hào đã được tin Cò.
Mong Cò được thư báo cho
tôi số, tôi rất trông chờ.
Bên ấy Cò cũng vui lòng
giúp đỡ để cho tôi xin 01 đơn
"Lời" để bỏ túi Hồ-Số bên nhà
cho nhanh chóng.
Chúc Cò nhiều sức khỏe
và bình an.

Kính thư.



Lê Minh Quang.

Xin Hồi Báo về:

Lê Minh Quang
ấp Long Thành A, Xã Long Khánh A
Huyện Hồng Ngự
Đồng Tháp.

HỒ SỔ BỒ TÚC

- Hồ sơ gửi bổ túc phần nghề nghiệp.
- Khi được hồ sơ máy gửi Hb cho thẩm.

- Data -

QUÂN-LỰC VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

THẺ CĂN - QUỐC

QUÂN NHÂN

Số: 028642



Họ Tên

LÊ MINH-QUANG

Cấp bậc

Thiếu úy

Số quân

71/104.607

Ngày, nơi sinh

24.04.1951

Thị trấn Mỹ Cần thơ

Cha

Lê-diệu-Dương

Mẹ

Nguyễn thị Chắc

AH - 059705 Dấu vết riêng.

Vết sẹo dài xiên ngoài
đuôi này phải.

Số thẻ căn cước dân sự: 06697002
Ngày, nơi cấp 26.12.73 VIC

Họ tên 4125, ngày 25.11.74

Thiếu Tướng NGUYỄN XUÂN TRẠNG

Tham mưu Phó Nhân Viên

đo 1000 QLVNCH

hauo

Cao : 1th, 66

Loại máu : O r h



QUÂN-LỰC VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

THIÊN CĂN - CƯỚC

QUÂN NHÂN

Số: 028642



Họ Tên

LÊ MINH QUANG

Cấp bậc

Thiếu úy

Số quân

71/104.607

Ngày, nơi sinh

24.04.1951

Thiên Mỹ Cần thơ

Cha

Lê-diệu-Dương

Mẹ

Nguyễn thị Chác

AH 059705 Dấu vết hồng.

Vết sọc dài xiên ngoài
đuôi mảy phải.

Cao : 1m 66

Loại máu : O rh-

Số thẻ căn cước công dân : 06697002
Ngày sinh : 26.12.73 VLG

KBC 4125, ngày 25.11.74

Thiếu Trạng NGUYỄN VĂN TRẠNG
Tham mưu Phó Nhân Viên

Đã làm việc tại

Handwritten signature



CÔNG AN ĐỒNG THÁP
PHÒNG QL, XC — NC
Số 234 / BN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

BIÊN NHẬN

CHÚNG TÔI PHÒNG QUẢN LÝ NGƯỜI VIỆT NAM

XUẤT, NHẬP CẢNH THUỘC CÔNG AN TỈNH ĐỒNG THÁP

Có nhận hồ sơ xuất cảnh của Ông bà: Lê Minh Quang

Sinh năm 1947 Hiện ở Long Thành A, Long Thành A,

Hồng Ngự, Đồng Tháp

Xin xuất cảnh đến nước: Hoa Kỳ

Lý do: diện Cử tạo ra tại

Cùng đi: 05 người.

Đề nghị Ông bà yên tâm làm ăn sinh sống chờ chúng tôi thông báo kết quả được hay không được xuất cảnh trong thời gian tới.

TX. Cao Lãnh, ngày 11 tháng 9 năm 1989



Pho
Ngô Việt Hùng

BỘ NỘI VỤ
CỤC QUẢN LÝ TRẠI GIAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TRẠI CẢI TẠO BẾN GIÁ
Số: 525 /GRT -81

GIẤY RA TRẠI

Căn cứ chỉ thị số 316/TTg ngày 22/8/1977 của Thủ Tướng Chính Phủ Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam về chính sách đối với binh sĩ, nhân viên các cơ quan chính quyền của chế độ cũ và đảng phái phản động đang bị tập trung cải tạo.

Căn cứ thông tư Liên Bộ Quốc Phòng-Nội vụ số: 07/TT/LB Ngày 29/12/1977 về việc thực hiện chỉ thị số: 316/TTg ngày 22/8/1977 của Thủ Tướng Chính Phủ.

Thi hành quyết định số: 2464 QĐ.UBT-81 Ngày 10-09-1981

CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CẦU LÔNG
CẤP GIẤY RA TRẠI

Họ và tên: Lê Minh Quang
Ngày, tháng, năm sinh: 1947
Quê quán: Thị trấn Mỹ, Vĩnh Long
Trú quán: Ấp Lông, Xã Mỹ, Huyện Lông, Tỉnh Vĩnh Long
Số lính, cấp bậc, chức vụ trong bộ máy chính quyền, Quân sự và các tổ chức chính trị phản động của chế độ cũ: Thiếu úy đơn đốc trưởng liên đoàn 951-bao An Vĩnh Long

Khi về, phải trực tiếp trình ngay giấy này với Ủy Ban Nhân dân xã, Công an xã, Phường: Lông Khánh thuộc huyện, quận: Hồng Ngự tỉnh, thành phố: Đồng Tháp và phải tuân theo các qui định của Ủy Ban Nhân Dân tỉnh, thành phố về việc quản chế, về nơi cư trú và các mặt quản lý khác:

- Thời hạn quản chế: Mười hai tháng
- Thời hạn đi đường: Ngày (kể từ ngày ký giấy ra trại)
- Tiền và lương thực đi đường đã cấp:

11/ ngày 15 tháng 09 năm 1981
P. GIÁM THỊ TRẠI

Thường vụ: Nguyễn Văn Cao

BỘ NỘI VỤ
CỤC QUẢN LÝ TRẠI GIAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TRẠI CẢI TẠO BẾN GIÀ
Số: 525 /GRT -81

GIẤY RA TRẠI

Căn cứ chỉ thị số 316/TTg ngày 22/8/1977 của Thủ Tướng Chính Phủ Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam về chính sách đối với binh sĩ, nhân viên các cơ quan chính quyền của chế độ cũ và đảng phái phản động đang bị tập trung cải tạo.

Căn cứ thông tư Liên Bộ Quốc Phòng-Nội vụ số: 07/TT/LB Ngày 29/12/1977 về việc thực hiện chỉ thị số: 316/TTg ngày 22/8/1977 của Thủ Tướng Chính Phủ.

Thi hành quyết định số: 2061 QĐ.UBT-81 Ngày 10-09-1981

CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CẦN LŨNG
CẤP GIẤY RA TRẠI

Họ và tên: Lê Minh Quang

Ngày, tháng, năm sinh: 1947

Quê quán: Thị trấn Mỹ, Vĩnh Long

Trú quán: Ấp Lũng, xã Bình A, huyện Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long

Số lính, cấp bậc, chức vụ trong bộ máy chính quyền

Quân sự và các tổ chức chính trị phản động của chế

độ cũ: Thiếu úy đơn Địch Tướng Liên đoàn 951-600

An ninh Vĩnh Long

Khi về, phải trực tiếp trình ngay giấy này với Ủy Ban Nhân dân xã, Công an xã, Phường: Long Khánh thuộc huyện, quận: Hồng Ngự tỉnh, thành phố: Hồng Ngự và phải tuân theo các qui định của Ủy Ban Nhân Dân tỉnh, thành phố về việc quản chế, về nơi cư trú và các mặt quản lý khác:

- Thời hạn quản chế: miễn hạn

- Thời hạn đi đường: miễn hạn Ngày (kể từ ngày

ký giấy ra trại).

- Tiền và lương thực đi đường đã cấp: miễn

11/gày 15 tháng 09 năm 1981

P. GIÁM THỊ TRẠI

Thường vụ: Nguyễn Văn Cao

INTAKE FORM (Two Copies)
 MAU DON VE LY-LICH

NAME (Ten Tu-nhan) : LÊ MINH QUANG
 Last (Ten Ho) Middle (Giua) First (Ten goi)
 DATE, PLACE OF BIRTH : 04 24 1951
 (Nam, noi sinh) Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)

SEX (Nam hay Nu) : Male (Nam): NAM Female (Nu): _____

MARITAL STATUS Single (Doc than): _____ Married (Co lap gia dinh): CÓ
 (Tình trạng gia đình):

ADDRESS IN VIETNAM : Ấp Long Thành A, Xã Long Khánh A
 (Địa chỉ tại Việt-Nam) Huyện Hồng Ngự, ĐỒNG-THÁP.

POLITICAL PRISONER (Có là tù nhân tại VN hay không): Yes (Có) 20 No (Không)

If Yes (Nếu có): From (Từ) 02-5-1975 To (Đến): 15-9-1981

PLACE OF RE-EDUCATION: TRẠI CẢI TẠO BẾN GIÀ - TỈNH CỬU LONG.
 CAMP (Trại tù)

PROFESSION (Nghề nghiệp): Sĩ QUAN TÁC-CHIẾN (SQ/QLVNCH).

EDUCATION IN U.S. (Du học tại Mỹ): _____
 VN ARMY (Quân đội VN) Rank (Cấp bậc): THIẾU-ÚY
 VN GOVERNMENT (Trong chính phủ VN) Position (Chức vụ): ĐẠI ĐỘI TRƯỞNG
LIÊN ĐỘI 951/ĐP/VLg. Date (năm): 03

APPLICATION FOR O.D.P. (Đã có nộp đơn cho ODP): Yes (Có): _____
 IV Number (Số hồ sơ): _____
 No (Không): _____

NUMBER OF DEPENDENTS ACCOMPANYING (Số người đi theo): 05 (NĂM NGƯỜI)
 (Ten thân nhân tháp tùng) Xin ghi bên sau với đầy đủ chi

MAILING ADDRESS IN VN (Địa chỉ liên lạc tại VN): Ấp Long Thành A,
Xã Long Khánh, Huyện Hồng Ngự - ĐỒNG-THÁP.

NAME & ADDRESS OF SPONSOR/RELATIVE (Tên và Địa chỉ Thân nhân hay Người Bảo trợ)

U.S. CITIZEN (Quốc tịch Hoa-Kỳ): Yes (có): _____ No (Không): KHÔNG.

RELATIONSHIP WITH PRISONER (Liên hệ với tù nhân tại VN):

NAME & SIGNATURE: LÊ MINH QUANG [Signature] Ấp Long Thành A,
 ADDRESS & TELEPHONE OF INFORMANT Xã Long Khánh A,
 (Tên, Chữ ký, Địa chỉ và Điện thoại của người liên lạc này) Huyện Hồng Ngự - ĐỒNG-THÁP.

DATE: DECEMBER 20TH 1989.
 Month (Thang) Day (Ngày) Year (Năm)

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : LÊ MINH QUANG
(LISTED ON PAGE I)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIONSHIP	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA
NGUYỄN THỊ MINH ĐẠI	1951	VỢ
LÊ THỊ THU ANH	1972	CON
LÊ THỊ KIM CÚC	1973	CON
LÊ MINH BẢO	1983	CON
LÊ QUỐC BẢO	1987	CON

DEPENDENT'S ADDRESS (if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION : Ở TỪ CS KHAI SINH NĂM 1947.

22-8-1968 TỈNH NGUYỄN VĂN QUANG/VNCH - SỐ QUÂN : 71/104.607.
THEO HỌC KHÓA 6/68/HSQ/TB . TÀI TRƯỞNG HSQ/QLVNCH.
16-02-1969/ 15-02-1971 . PHỤC VỤ TẠI TIỂU KHU VĨNH BÌNH.
ĐẠI ĐỘI BIẾT LẬP 4/343/ĐP . CHỨC VỤ TRUNG ĐỘI TRƯỞNG.
20-02-1971 : ĐƯỢC ĐỀ NÂNG THEO HỌC KHÓA 1/71 HQ/TB/ĐẶC BIỆT
TẠI TRƯỞNG HQ/QLVNCH.
16-8-1971 . TRUNG TUYẾN MANG CẤP ĐẶC CHỨC UỶ/TRƯỞNG.
1971 - 1975 : THUỘC TIỂU KHU VĨNH LONG.
THIẾU UỶ - ĐẠI ĐỘI TRƯỞNG - HIỆN ĐƠN 951/ĐP.
VĨNH LONG . /

INTAKE FORM (Two Copies)
 HAU DON VE LY-LICH

NAME (Ten Tu-nhan) : LÊ MINH QUANG
 Last Ten Ho Middle (Giua) First (Truoi) (gọi)
 DATE, PLACE OF BIRTH : 04 24 1951
 (Nam, noi sinh) Month Thang Day (Ngày) Year (Năm)
 SEX (Nam hay Nu) : Male (Nam): NAM Female (Nu): _____
 MARITAL STATUS Single (Doc than): _____ Married (Co lap gia dinh): CÓ
 (Tinh trang gia dinh):
 ADDRESS IN VIETNAM : ẤP LONG THANH A - XÃ LONG KHANH A
 (Dia chi tai Viet-Nam) HUYỆN HỒNG NGŨ, ĐỒNG THÁP
 POLITICAL PRISONER (Co la tu nhan tai VN hay khong): Yes (Co) CÓ No (Khong)
 If Yes (Nou co): From (Tu): 02-5-1975 To (Den): 15-9-1981
 PLACE OF RE-EDUCATION: TRẠI CẢI TẠO BẾN GIÁ, TỈNH CỬU LONG
 CAMP (Trai tu)
 PROFESSION (Nghe nghiep): Sĩ QUAN TÁC CHIẾN (SQ/QLVCH)
 EDUCATION IN U.S. (Du hoc tai My): _____
 VN ARMY (Quan doi VN) Rank (Cap bac): THIẾU VŨ
 VN GOVERNMENT (Trong chinh phu VN) Position (Thuc vu): ĐẠI ĐỘI TRƯỞNG
LIÊN ĐỘI 951/ĐP/VLg Date (nam): 03
 APPLICATION FOR O.D.P. (Da co nap don cho ODP): Yes (Co): _____
 IV Number (So ho so): _____
 No (Khong): _____
 NUMBER OF DEPENDENTS ACCOMPANYING (So nguoi di theo): 05 (NĂM NGƯỜI)
 (Ten than nhan thap tung) Xin ghi ben sau voi day du chi
 MAILING ADDRESS IN VN (Dia chi lien lac tai VN): ẤP LONG THANH A
XÃ LONG KHANH A, HUYỆN HỒNG NGŨ - ĐỒNG THÁP
 NAME & ADDRESS OF SPONSOR/RELATIVE (Ten va Dia chi Than nhan hay Nguoi Bao tro)

 U.S. CITIZEN (Quoc tịch Hoa-Ky): Yes (co): _____ No (Khong): KHÔNG
 RELATIONSHIP WITH PRISONER (lien he voi tu nhan tai VN): _____
 NAME & SIGNATURE: LÊ MINH QUANG LMNQ
 ADDRESS & TELEPHONE OF INFORMANT
 (Ten, Chu ky, Dia chi va Di. thoai cua nguoi lien don nay)
ẤP LONG THANH A, XÃ LONG KHANH A
HUYỆN HỒNG NGŨ - ĐỒNG THÁP.
 DATE: _____
 Month (Thang) Day (Ngày) Year (Năm)
DECEMBER 20TH 1989.

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : LÊ MINH QUANG
(Listed on page 1)

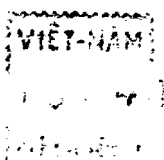
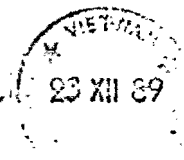
NAME OF DEPENDENT ACCORDING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP
NGUYỄN THỊ MINH ĐẠI	1951	VỢ
LÊ THỊ THU ANH	1972	CON
LÊ THỊ KIM CÚC	1973	CON
LÊ MINH BẢO	1983	CON
LÊ QUỐC BẢO	1987	CON

DEPENDENT'S ADDRESS (if different from a)

6. ADDITIONAL INFORMATION : Ở TỰ CS KHAI SINH NĂM 1947.
22-8-1968 TỈNH NGUYỄN VĂN QUANG. SỐ QUÂN : 71/104607
THEO HỌC KHÓA 6/68 HQ/TB TẠI TRƯỜNG HQ/QLVNCH
16-02-1969 L 15-02-1971 PHỤC VỤ TẠI TR/VIỆTH BÍNH
ĐẠI ĐỘI DIỆT LẬP 4/343/ĐP. CHỨC VỤ TRUNG ĐỘI TRƯỞNG.
20-02-1971 ĐƯỢC TẶNG NHÃN THEO HỌC KHÓA 1/71 HQ/TB/ĐẶC BIỆT
TẠI TRƯỜNG HQ/QLVNCH.
16-8-1971 TRƯỞNG TUYẾN MANG CẤP BẠC CHUẨN VÝ/TP.
1971-1975 THƯỚC TIỂU KHU VINH LONG.
THIỆU VÝ - ĐẠI ĐỘI TRƯỞNG - HIỆN ĐƠN 951/ĐP
VINH LONG./.

FROM: Lê Minh Quang
Lập Long Thành A - Kĩ Long Khánh A.
Huyện Long An - Đồng Tháp.
South - VIETNAM.

R 00 0 6



**MAY DAY
PAR AVION**



3 1990

To: Bà Thúc Minh Thò.
P.O. BOX. 5435. ARLINGTON
VA. 22205 - 0635
South. USA.

PAR AVION VIA AIR MAIL

Ma - 18240



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE: 703-560-0058

IV#: _____
VEWL.#: _____
I-171#: Y NO
EXIT VISA#: _____

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM LE MINH QUANG
Last Middle First

Current Address: Ap Long Thanh A - Long Khanh A - Hong Ngai - Dong Thap

Date of Birth: 04-24-1947 Place of Birth: Vinh Long

Previous Occupation (before 1975) 1 Lieutenant
(Rank & Position)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From 06-75 To 09-15-1981
Years: 06 Months: 03 Days: _____

3. SPONSOR'S NAME: _____
Name

Address and Telephone Number

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

<u>Name, Address & Telephone Number</u>	<u>Relationship</u>
_____	_____
_____	_____
_____	_____
_____	_____

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

DATE PREPARED: _____

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : _____
 (Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
NGUYEN THI MINH DAI	1957	wife
LE THI THU ANH	1972	
LE THI KIM CUC	1973	
LE MINH BAO	1983	
LE QUOC BAO	1987	

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :

QUÂN-LỰC VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

THẺ CÁN - CƯỚC

Số:

028642

QUÂN NHÂN



Họ tên

LÊ MINH QUANG

Chức vụ

Thiếu úy

Số quân

71/104.607

Nơi, ngày sinh

2.04.1951

Thiên-Mỹ Cần thơ

Cha

Lê-diệu-Dưỡng

Mẹ

Nguyễn thị Chác

AH

059705

Đầu vật nặng

Vết sẹo dài xiên ngoài
đuôi mảy phải.

Cao : 1th, 66

Loại máu : O rh+

Số thẻ căn cước dân sự: 06697002

Ngày cấp 26.12.73 VIG

Khu 2125, ngày 25.11.74

Thiếu Tướng NGUYỄN XUÂN TRẠNG

Tham mưu phó Nhân viên

Đo Lữ Đoàn 1

Hauo



QUÂN-LỰC VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

THẺ CÁN - QUÂN

QUÂN NHÂN

028642



Họ Tên **LÊ MINH QUANG**

Thiếu úy

Chức vụ **71/104.607**

Ngày sinh **24.04.1951**

Thiền-Mỹ Căn thơ

Lê-diệu-Dưỡng

Mẹ **Nguyễn thị Chác**

AN

059705

Đầu vật nặng.

Vết sẹo dài xiên ngoài
đuôi mảy phải.

Loại : 1 th 66

Loại máu : O rh-

Số hồ sơ: 06697002
Ngày: 26.12.73 VIG

4125, ngày 25.11.74

THIỀU-TUẤN NGUYỄN-VUÂN-TRANG

Tham mưu phó Nhân-Viên

Đoàn LHM QLVNCH

1 hẩu



CÔNG AN ĐỒNG THÁP
PHÒNG QL XC — NC
Số 134 / BN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

BIÊN NHẬN

CHÚNG TÔI PHÒNG QUẢN LÝ NGƯỜI VIỆT NAM
XUẤT, NHẬP CẢNH THUỘC CÔNG AN TỈNH ĐỒNG THÁP

Có nhận hồ sơ xuất cảnh của Ông bà: Lê Minh Quang.
Sinh năm 1947 Hiện ở Long Khánh A. Long Khánh A.
Hồng Ngự, Đồng Tháp.
Xin xuất cảnh đến nước: Hoa Kỳ.
Lý do: diện Caldwell hai.
Cùng đi: 05 người.

Đề nghị Ông bà yên tâm làm ăn sinh sống chờ chúng tôi thông
báo kết quả được hay không được xuất cảnh trong thời gian tới.

TX. Cao Lãnh, ngày 11 tháng 9 năm 1989



THƯỜNG PHÒNG

Ngô Việt Hùng.

CÔNG AN ĐỒNG THÁP
PHÒNG QL XC - NC
SỐ 234 / BN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

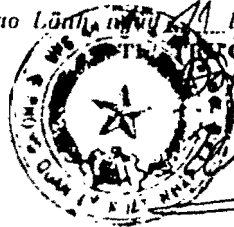
BIÊN NHẬN

CHÚNG TÔI PHÒNG QUẢN LÝ NGƯỜI VIỆT NAM
XUẤT, NHẬP CẢNH THUỘC CÔNG AN TỈNH ĐỒNG THÁP

Có nhận hồ sơ xuất cảnh của Ông bà: Lê Minh Quang
Sinh năm 1947 Hiện ở Long Khánh A Long Khánh
Hưng Nguyên, Đồng Tháp
Xin xuất cảnh đến nước: Hoa Kỳ
Lý do: diện cải tạo ka khai
Cùng đi: 05 người.

Đề nghị Ông bà yên tâm làm ăn sinh sống chờ chúng tôi thông
báo kết quả được hay không được xuất cảnh trong thời gian tới.

TX. Cao Lãnh ngày 14 tháng 9 năm 1989



Pho
Ngô Việt Hùng

ỦY BAN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Xã, phường... Long Khánh Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Huyện, Quận... Hồng Ngự
Tỉnh, Thành phố... Đồng Tháp

Mẫu TP/HT 3
Số... 321.....
Quyền số... 11.....



GIẤY KHAI SINH

(BẢN SAO)

Họ và tên... Lê Quốc Bảo Nam hay nữ... Nam
Ngày, tháng, năm sinh... Mười hai, tháng tám, năm Một ngàn chín trăm tám mươi bảy (12-8-1987)
Nơi sinh... Long Khánh
Dân tộc... Kinh Quốc tịch... Việt Nam

Phần khai về cha, mẹ	Người mẹ	Người cha
Họ và tên	<u>Nguyễn Thị Minh Đài</u>	<u>Lê Minh Quang</u>
Tuổi	<u>1951</u>	<u>1947</u>
Dân tộc	<u>Kinh</u>	<u>Kinh</u>
Quốc tịch	<u>Việt Nam</u>	<u>Việt Nam</u>
Nghề nghiệp	<u>Làm ruộng</u>	<u>Làm ruộng</u>
Nơi thường trú	<u>Long Thành A, Long Khánh, Hồng Ngự - Đồng Tháp</u>	<u>Long Thành A, Long Khánh, Hồng Ngự - Đồng Tháp</u>

Họ tên, tuổi, nơi thường trú, số giấy chứng minh thư của người đứng khai
Lê Minh Quang, Long Thành A, xã Long Khánh, Hồng Ngự, Đồng Tháp
CMND số: 3H0861772

Người đứng khai... Lê Minh Quang
Đã ký ngày 09 tháng 3 năm 1988
T.M. ỦY BAN NHÂN DÂN... N. Chử Tích
Trần Thanh Hòa



CHỨNG NHẬN SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 15 tháng 09 năm 1989

T.M. UBND

Họ tên, đóng dấu



Thôn Bảo An

ỦY BAN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Xã, phường Long Khánh Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Huyện, Quận Hố Nai
Tỉnh, Thành phố Đồng Tháp.

Mẫu TP/HT 3
Số... 157...
Quyển số... 05.



GIẤY KHAI SINH

(BẢN SAO)

Họ và tên Lê Minh Báo Nam hay nữ Nam.
Ngày, tháng, năm sinh Hai mươi bảy, tháng hai, năm một ngàn chín trăm tám mươi ba (27-02-1983)
Nơi sinh Xã Long Khánh
Dân tộc Kinh Quốc tịch Việt Nam

Phần khai về cha, mẹ	Người mẹ	Người cha
Họ và tên	Là Nguyễn Thị Minh Đại	Lê Minh Quang
Tuổi	32 tuổi	36 tuổi
Dân tộc	Kinh	Kinh
Quốc tịch	Việt Nam	Việt Nam
Nghề nghiệp	Làm ruộng	Làm ruộng
Nơi thường trú	Long Thành A	Long Thành A

Họ tên, tuổi, nơi thường trú, số giấy chứng minh thư của người đứng khai

Nguyễn Thị Minh Đại Long Thành A Xã Long Khánh
CMND 88' 34 25 11' 34

Đăng ký ngày 21 tháng 3 năm 1988

Người đứng khai

Nguyễn Thị Minh Đại

T/M ỦY BAN NHÂN DÂN
Xã Long Khánh
Chu lịch
Thái Bảo Nghiệp



CHỨNG NHẬN SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 15 tháng 9 năm 1989

T/M UBND

lên, đóng dấu



Thái Bảo Nghiệp

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

TỈNH Vĩnh Long

QUẬN Châu-Thành

XÃ Long-Châu

Số hiệu 2896



(HỒ SƠ QUÂN-NHÂN)



TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH

Lập ngày 11 tháng 12 năm 1973

Tên họ đứa trẻ LÊ-THỊ-KIM-CÚC

Con gái hay trai : Nữ

Ngày mười một tháng mười hai dương lịch
năm một ngàn chín trăm bảy mươi ba .

Ngày sanh

Nơi sanh : Long-Châu (Vĩnh Long)

Tên họ người cha : Lê-Minh-Quang

Tên họ người mẹ : Nguyễn-Thị-Minh-Dài

Vợ chánh hay không
có hôn thú : VỢ-CHÍNH

Tên họ người đứng khai : Lê-Minh-Quang

TRÍCH-LỤC Y BẢN CHÍNH

MIỀN THỊ-THỰC

ngày 14 tháng 12 năm 1973

Xã-Trưởng kiêm Ủy-Viên Hộ-Tịch,



TRẦN-VAN-LAN

BỘ QUỐC-PHÒNG

CỤC QUÂN-Y

GIẤY CHỨNG NHẬN

Đơn-vị: Trại 4308Số 247 tại sổ cái

- a) Khám hay tái khám.
b) Chỉ rõ đơn vị và cấp bậc đương sự.
c) Chỉ tiết bệnh trạng, vết thương hay tật nguyên.

Khổ giấy: 0m13 x 021 (a) _____

Chúng tôi ký tên dưới đây Y-Sĩ ĐẶC-NGUYỄN-ANH

chứng nhận rằng

Ch Lê Minh Quang

Sanh tại _____

(b) ĐQ: 104607 #44 ĐĐQ(c) Polycystique de la jambe droite
avec fracture de tibia* Theo đó chúng tôi cho rằng những điều ghi chú kể trên
có kết quả là Đ/S Khép vết ngày 18-10-72Xét vết ngày 07-11-72K.B.C. 4308 ngày 06-11-1972Kính-chữ: Y-Sĩ-TRƯỞNG.ĐẶC-NGUYỄN-ANHMẪU
30.04.63 QĐ-678

7.66.TTAL.AP.O.1.953

AO-Y-BAN-CHANH

VIỆT-NAM CÔNG-HÒA
QUÂN LỰC VIỆT-NAM CÔNG-HÒA
QUÂN ĐOÀN IV QUÂN KHU 4
LIÊN ĐOÀN 74 QUÂN Y
BỆNH VIỆN 3 DÀ CHIÊN

KBC. 4.308, ngày 24 tháng 8 năm 1973

TRƯỞNG BAN QUẢN-TRỊ TSO/TBB.
Trần Văn Thành



VIỆT NAM CỘNG - HÒA

TỈNH VĨNH-LONG
QUẬN CHÂU-THÀNH
XÃ LONG-CHÂU
Số hiệu : 53

TRÍCH - LỤC
CHỨNG THƯ HÔN THỦ

Tên họ người chồng LÊ-MINH-QUANG
Nghề nghiệp QUÂN-NHÂN
Sanh ngày Hai mươi bốn , tháng tư năm 1951 (24.4.1951)
Tại THIỆN-MỸ (CẦN-THƠ)
Cư sở tại LONG-CHÂU (VĨNH-LONG)
Tạm trú tại KBC:4.253.
Tên họ Cha chồng LÊ-ĐIỀU-DƯƠNG (sống)
sống chết phải nói
Tên họ Mẹ chồng NGUYỄN-THỊ-CHẮC (sống)
sống chết phải nói
Tên họ người vợ NGUYỄN-THỊ-MINH-ĐÀI
Nghề - nghiệp TÁ-VIỆN ĐIỀU-DƯƠNG .
Sanh ngày hai mươi chín, tháng sáu năm 1951 (19-6-1951)
Tại TÂN-LẬP-PHÚ (BÌNH-LONG)
Cư sở tại PHÚ-VĨNH (CHÂU-ĐỐC)
Tạm trú tại BỆNH-VIỆN VĨNH-BÌNH.
Tên họ Cha vợ NGUYỄN-VAN-BIÊN (sống)
sống chết phải nói
Tên họ Mẹ vợ HOÀNG-THỊ-NHI (sống)
sống chết phải nói
— Ngày cưới 01-5-1.972 (giờ 11 giờ)
— Vợ chồng khai có hay không lập hôn ước
Ngày // tháng // năm //
Tại //

TRÍCH Y BỒN CHÍNH

LONG-CHÂU ngày 15 tháng 5 năm 1972

Viên Chức Hộ - Tịch

MIỄN THI-THỰC



Phan Công Chuồn
ỦY VIÊN HỘ TỊCH

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

TỈNH VĨNH - LONG

QUẬN CHAU - THANH

XÃ AN - DUC

Số 112/400 / AA

CHỨNG CHỈ SỐNG CHUNG

XÃ - TRƯỞNG XÃ AN - DUC

Chứng Nhận

LE - MINH - QUANG

Ông LE - MINH - QUANG căn - cước số 1 cấp tại Quận Bình

ngày 19 - 6 - 1951 nghề - nghiệp HOUSER - THAI MINH - DAI

sinh ngày 24 - 04 - 1951 và vợ là 53

sinh ngày 01 - 05 - 1972 và hôn thú số long - Chau (VINH-LONG)

lập ngày 01 - 05 - 1972 tại long - Chau (VINH-LONG) cùng các con kê sau :

LE THI THU - ANH

1 : THU - 30 - 9 - 72 tại ly - Hoa (VINH-BINH)

do giấy khai - sanh số 309 THU - 30 - 9 - 72 tại ly - Hoa (VINH-BINH)

2 : THU - 12 - 73 tại long - Chau, (VINH-LONG)

do giấy khai - sanh số 2096 THU - 12 - 73 tại long - Chau, (VINH-LONG)

3 : THU - 12 - 73 tại long - Chau, (VINH-LONG)

do giấy khai - sanh số 2096 THU - 12 - 73 tại long - Chau, (VINH-LONG)

4 : THU - 12 - 73 tại long - Chau, (VINH-LONG)

do giấy khai - sanh số 2096 THU - 12 - 73 tại long - Chau, (VINH-LONG)

5 : THU - 12 - 73 tại long - Chau, (VINH-LONG)

do giấy khai - sanh số 2096 THU - 12 - 73 tại long - Chau, (VINH-LONG)

6 : THU - 12 - 73 tại long - Chau, (VINH-LONG)

do giấy khai - sanh số 2096 THU - 12 - 73 tại long - Chau, (VINH-LONG)

7 : THU - 12 - 73 tại long - Chau, (VINH-LONG)

do giấy khai - sanh số 2096 THU - 12 - 73 tại long - Chau, (VINH-LONG)

8 : THU - 12 - 73 tại long - Chau, (VINH-LONG)

do giấy khai - sanh số 2096 THU - 12 - 73 tại long - Chau, (VINH-LONG)

9 : THU - 12 - 73 tại long - Chau, (VINH-LONG)

do giấy khai - sanh số 2096 THU - 12 - 73 tại long - Chau, (VINH-LONG)

10 : THU - 12 - 73 tại long - Chau, (VINH-LONG)

do giấy khai - sanh số 2096 THU - 12 - 73 tại long - Chau, (VINH-LONG)

Hiện nay, LE MINH - QUANG sống chung với nhau tại Trại Gia-Binh 32

AN - DUC

ngày 15 tháng 02 năm 197

XÃ - TRƯỞNG,
CHỖ XÃ TRƯỞNG HÀNH-CHÁNH



NGUYỄN-VĂN-QUỐC

CHÚNG CHI SÔNG CHUNG

ĐU - ĐU

X. TRƯỜNG X. AX

Chứng nhận

ĐU - ĐU - ĐU

ĐU - ĐU - ĐU

ĐU - ĐU - ĐU

ĐU - ĐU - ĐU

ĐU - ĐU - ĐU

(ĐU - ĐU - ĐU)

(ĐU - ĐU - ĐU) ĐU - ĐU - ĐU : KĐ - TH :

ĐU - ĐU - ĐU

(ĐU - ĐU - ĐU)

Thieu Uy IE MINH QUANG va Ve + (2 Con
Hien Cu ngu tai Trại Gia Binh Thieu-

ĐU - ĐU - ĐU

Đem lữ/DP.Tráo Xa An - Duc (Vinh-Long)

Kinh náo Uy Ban Hành Chánh Xa Giúp Do cho

Sĩ Quan Dương sư Chung Chi Sông Chung.

KBC.6880.Ngày 15 Tháng 02 năm 1978



Trung Uy PHAN VAN SOO
Đại Đội Trưởng



VVVVVVVVVV

[illegible]

2.

[illegible]

TRÍCẢ SẠO Y BẮN CHÁNH

Số hiệu : 389

KHAI SANH

Tên họ ấu nhi : LE - THI THU - ANH

Phái : Nu

Sinh ngày Ngay Ba Muoi Thang Chín Dương lịch . Nam

Một ngàn Chín Trăm Bảy mươi Hai . (30.9.1972)

Tại : My-Hoa (VINH-BINH)

Tuổi : Hai Muoi Một Tuổi .

Nghề-nghiệp : Quan Nhan

Cư trú tại : My - Hoa

Me : NGUYEN - THI MINH - ĐAI

Tên họ

Tuổi : Hai Muoi Một Tuổi .

Nghề-nghiệp : Ta-Viên Điều-Dương

Cư trú tại : MY - HOA

Vợ : Võ Chanh (Hon-Thu số 53).

Chánh hay liú

Người khai : LE - MINH - QUANG

Tên họ

Tuổi : Hai Muoi Một Tuổi

Nghề-nghiệp : Quan - Nhan

Cư trú tại : My - Hoa

Ngày khai Ngay Ba Thang Muoi Nam Một Ngàn Chín Trăm

Người chứng thứ nhất : Bay Muoi Hai (03.10.1972).

Tên họ Ly - Ba - Tong .

Tuổi : Hai Muoi Lăm Tuổi

Nghề-nghiệp : Quan - Nhan

Cư trú tại : My - Hoa

Người chứng thứ nhì : Tang - Van - Tu

Tên họ

Tuổi : Nam Muoi Sáu Tuổi .

Nghề-nghiệp : Thợ Ho

Cư trú tại : My - Hoa .

Làm tại xã MY - HOA, ngày 03 - 10¹⁹ 72

Người khai,

Hộ lại,

Nhân chứng,

LE-MINH-QUANG
(Ky ten)

(An ky)

LAM-PHUOC-HAO

1- LY-BA-TONG
(Ky-Ten)

2- TANG-VAN-TU
(Ky-Ten)

- SAO Y BỎ CHANH.

Khai nam 1972. Lưu trữ
Tại Xa:

My-Hoa. Ngày 3 - 10 - 1972

Xa-Trưởng Kiem Ho-Tich



LAM-PHUOC-HAO

BỘ NỘI VỤ
CỤC QUẢN LÝ TRẠI GIAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TRẠI CẢI TẠO BẾN GIÁ
Số: 525 /GRT -81

GIẤY RA TRẠI

Căn cứ chỉ thị số 316/TTg ngày 22/8/1977 của Thủ Tướng Chính Phủ Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam về chính sách đối với binh sĩ, nhân viên các cơ quan chính quyền của chế độ cũ và đảng phái phản động đang bị tập trung cải tạo.

Căn cứ thông tư Liên Bộ Quốc Phòng-Nội vụ số: 07/TT/LB Ngày 29/12/1977 về việc thực hiện chỉ thị số: 316/TTg ngày 22/8/1977 của Thủ Tướng Chính Phủ.

Thi hành quyết định số: 2061 QĐ.UBT-81 Ngày 10.09.1981

CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CỬU LONG
CẤP GIẤY RA TRẠI

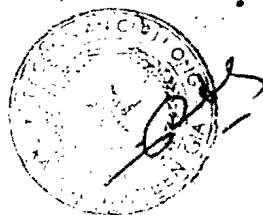
- Họ và tên: Lê Minh Quang
Ngày, tháng, năm sinh: 1947
Quê quán: Thị trấn Mỹ, Vĩnh Long
Trú quán: Ấp Long, xã Bình A, huyện Khánh Hưng, tỉnh Đồng Tháp
Số lính, cấp bậc, chức vụ trong bộ máy chính quyền Quân sự và các tổ chức chính trị phản động của chế độ cũ: Thiếu úy đơn đốc trưởng liên đoàn 951 bảo an Vĩnh Long

- Khi về, phải trực tiếp trình ngay giấy này với Ủy Ban Nhân dân xã, Công an xã, Phường: Long Khánh thuộc huyện, quận: Hồng Ngự tỉnh, thành phố: Đồng Tháp và phải tuân theo các qui định của Ủy Ban Nhân Dân thành phố về việc quản chế, về nơi cư trú và các mặt quản lý khác:

- Thời hạn quản chế: hai tháng
- Thời hạn đi đường: Ngày (kể từ ngày ký giấy ra trại) ..
- Tiền và lương thực đi đường đã cấp:

1) / ngày 15 tháng 09 năm 1981

P. GIÁM THỊ TRẠI



Trưởng uỷ: Nguyễn Văn Cao

BỘ NỘI VỤ
CỤC QUẢN LÝ TRẠI GIAM

CONG HOA XA HOI CHU NGHIA VIET NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

- 000 -
TRẠI CẢI TẠO BẾN GIÁ
Số: 525 /GRT -81

GIẤY RA TRẠI

Căn cứ chỉ thị số 316/TTg ngày 22/8/1977 của Thủ Tướng Chính Phủ Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam về chính sách đối với binh sĩ, nhân viên các cơ quan chính quyền của chế độ cũ và đảng phái phản động đang bị tập trung cải tạo.

Căn cứ thông tư Liên Bộ Quốc Phòng-Nội vụ số: 07/TT/LB Ngày 29/12/1977 về việc thực hiện chỉ thị số: 316/TTg ngày 22/8/1977 của Thủ Tướng Chính Phủ.

Thi hành quyết định số: 2061 QĐ.UBT-81 Ngày 10-09-1981

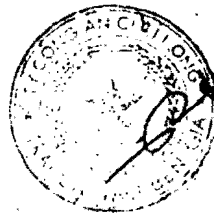
CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CẦU LONG
CẤP GIẤY RA TRẠI

Họ và tên: Lê Minh Quang
Ngày, tháng, năm sinh: 1947
Quê quán: Thị trấn Mỹ, Vĩnh Long
Trú quán: Ấp Lũng, xã Khánh, huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp
Số lính, cấp bậc, chức vụ trong bộ máy chính quyền: Thiếu tá
Quân sự và các tổ chức chính trị phản động của chế độ cũ: Thiếu tá đơn vị trưởng Liên đoàn 951-600
An ninh Phòng

Khi về, phải trực tiếp trình ngay giấy này với Ủy Ban Nhân dân xã, Công an xã, Phường: Long Khánh thuộc huyện, quận: Hồng Ngự tỉnh, thành phố: Đồng Tháp và phải tuân theo các qui định của Ủy Ban Nhân Dân tỉnh thành phố về việc quản chế, về nơi cư trú và các mặt quản lý khác:

- Thời hạn quản chế: Mười hai tháng
- Thời hạn đi đường: Ngày (kể từ ngày ký giấy ra trại)
- Tiền và lương thực đi đường đã cấp:

11/ ngày 15 tháng 09 năm 1981
P. GIÁM THỊ TRẠI



Thường vụ: Nguyễn Văn Cao

INTAKE FORM (Two Copies)
MAU DON VE LY-LICH

NAME (Ten Tu-nhan) : LÊ MINH QUANG

DATE, PLACE OF BIRTH : 04 24 1951
(Nam, noi sinh) Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)

SEX (Nam hay Nu) : Male (Nam): Nam Female (Nu): /

MARITAL STATUS Single (Doc than): / Married (Co lap gia dinh): Có
(Tinh trang gia dinh):

ADDRESS IN VIETNAM : Ấp Long Thành A, xã Long Khánh A
(Dia chi tai Viet-Nam) Huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp

POLITICAL PRISONER (Co la tu nhan tai VN hay khong): Yes (Co) Có No (Khong) /

If Yes (Neu co): From (Tu): 02-5-1975 To (Den): 15-9-1981

PLACE OF RE-EDUCATION: Trại Cải tạo Bến Giã - Cửu Long
CAMP (Trai tu)

PROFESSION (Nghe nghiep): Hiện tại thợ mộc (làm xuất đồ gỗ)

EDUCATION IN U.S. (Du hoc tai My): /

VN ARMY (Quan doi VN) Rank (Cap bac): Hiện tại

VN GOVERNMENT (Trong chinh phu VN) Position (Chug vu): Đại đội trưởng
Date (nam): 1973

APPLICATION FOR O.D.P. (Da co nap don cho ODP): Yes (Co): /
IV Number (So ho so): /
No (Khong): /

NUMBER OF DEPENDENTS ACCOMPANYING (So nguoi di theo): Năm (05) người
(Ten than nhan thap tung) Xin ghi ben sau voi day du chi tiep

MAILING ADDRESS IN VN (Dia chi lien lac tai VN): Ấp Long Thành A, xã Long Khánh A
Huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp

NAME & ADDRESS OF SPONSOR/RELATIVE (Ten va Dia chi Than nhan hay Nguoi Bao tro): /

U.S. CITIZEN (Quoc tịch Hoa-Ky): Yes (co): / No (Khong): Không

RELATIONSHIP WITH PRISONER (Lien he voi tu nhan tai VN): /

NAME & SIGNATURE: LÊ MINH QUANG Nam

ADDRESS & TELEPHONE OF INFORMANT (Ten, Chu ky, Dia chi va Dien thoai cua nguoi dien don nay) Ấp Long Thành A
xã Long Khánh A, Huyện Hồng Ngự - Đồng Tháp

DATE: 11 26 1989
Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) :

LÊ MINH QUANG
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
NGUYỄN THỊ MINH ĐẠI	1951	Vợ.
LÊ THỊ THU-ANH	1972	Con.
LÊ THỊ KIM CHÈ	1973	Con.
LÊ MINH BẢO	1983	Con.
LÊ QUỐC BẢO	1987	Con.

DEPENDENT'S ADDRESS : (if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION : LÊ MINH QUANG - SQ: 71/104.607
- 22-8-1968. Nhập ngũ vào QLVNCH - xuất thân Trung Hào/QLVNCH thuộc khóa 6/68 Hào/TB tại Pleikhu (Đông Đức).
- 1969-1971 Phục vụ TK/Vĩnh Bình - Đại đội Cốt động 4/243/ĐP. cấp bậc Trung Sĩ - Trung Sĩ Trung.
- 20-02-1971. Được đề nghị theo học khóa 1/71 Sĩ Quan TB/Đặc biệt tại Trung Hào/QLVNCH.
- 16-8-1971 Nhận lệnh ra Trung tuyến mang cấp bậc Chuẩn úy/Tên Bội Phục vụ TK/Vĩnh Long - Tiểu đoàn 444/ĐP - Chức vụ Đại đội Phó.
- 16-02-1973 Tổng cấp Thiệu úy thiet thu kể từ ngày ấy.
- 1973-29-4-1975 Nguyên Đại đội trưởng - thuộc Tiểu đoàn 951/ĐP Vĩnh Long -/.

INTAKE FORM (Two Copies)
MAU DON VE LY-LICH

NAME (Ten Tu-nhan) : LÊ MINH QUANG
 Last (Ten Ho) Middle (Giua) First (Ten goi)
 DATE, PLACE OF BIRTH : 04 24 1951
 (Nam, noi sinh) Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)
 SEX (Nam hay Nu) : Male (Nam): Nam Female (Nu): /
 MARITAL STATUS Single (Doc than): / Married (Co lap gia dinh): Có
 (Tinh trang gia dinh):
 ADDRESS IN VIETNAM : Ấp Long Thành A, xã Long Khánh A
 (Dia chi tai Viet-Nam) Huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp
 POLITICAL PRISONER (Co la tu nhan tai VN hay khong): Yes (Co) Có No (Khong) /
 If Yes (Neu co): From (Tu): 02-5-1975 To (Den): 15-9-1981
 PLACE OF RE-EDUCATION: Trại Cải tạo Bến Giã - Cửu Long
 CAMP (Trai tu)
 PROFESSION (Nghe nghiep): Hiện tại thợ mộc (làm xuất đồ gỗ)
 EDUCATION IN U.S. (Du hoc tai My): /
 VN ARMY (Quan doi VN) Rank (Cap bac): Hiện tại
 VN GOVERNMENT (Trong chinh phu VN) Position (Chuc vu): Đại đội trưởng
 Date (nam): 1973
 APPLICATION FOR O.D.P. (Da co nap don cho ODP): Yes (Co): /
 IV Number (So ho so): /
 No (Khong): /
 NUMBER OF DEPENDENTS ACCOMPANYING (So nguoi di theo): Năm (05) người
 (Ten than nhan thap tung) Xin ghi ben sau voi day du chi tie
 MAILING ADDRESS IN VN (Dia chi lien lac tai VN): Ấp Long Thành A, xã Long Khánh A
Huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp
 NAME & ADDRESS OF SPONSOR/RELATIVE (Ten va Dia chi Than nhan hay Nguoi Bao tro):

 U.S. CITIZEN (Quoc tịch Hoa-Ky): Yes (co): / No (Khong): Không
 RELATIONSHIP WITH PRISONER (Lien he voi tu nhan tai VN): /
 NAME & SIGNATURE: LÊ MINH QUANG Nam
 ADDRESS & TELEPHONE OF INFORMANT
 (Ten, Chu ky, Dia chi va Dien thoai cua nguoi dien don nay) Ấp Long Thành A
xã Long Khánh A, Huyện Hồng Ngự - Đồng Tháp
 DATE: 11 26 1989
 Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) :

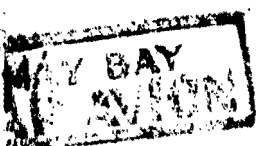
LÊ MINH QUANG
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
NGUYỄN THỊ MINH ĐẠI	1951	Vợ.
LÊ THỊ THU-ANH	1972	Con.
LÊ THỊ KIM CHÈ	1973	Con.
LÊ MINH BẢO	1983	Con.
LÊ QUỐC BẢO	1987	Con.

DEPENDENT'S ADDRESS : (if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION : LÊ MINH QUANG - SQ: 71/104.607
- 22-8-1968. Nhập ngũ vào QLVNCH - xuất thân Trung Hào/QLVNCH thuộc khóa 6/68 Hào/TB tại Pleikhu (Đông Đức).
- 1969-1971 Phục vụ TK/Vĩnh Bình - Đại đội Cốt động 4/243/ĐP. cấp bậc Trung Sĩ - Trung Sĩ Trung.
- 20-02-1971. Được đề nghị theo học khóa 1/71 Sĩ Quan TB/Đặc biệt tại Trung Hào/QLVNCH.
- 16-8-1971 Nhận lệnh và Trung tuyển mang cấp bậc Chuẩn úy/Trại B Phục vụ TK/Vĩnh Long - Tiểu đoàn 444/ĐP - Chức vụ Đại đội Phó.
- 16-02-1973 Tổng cấp Thiệu úy thiet thu kể từ ngày ấy.
- 1973-29-4-1975 Nguyên Đại đội trưởng - thuộc Tiểu đoàn 951/ĐP Vĩnh Long -/.

Lê Minh Quang
Long Thanh A - Xã Long Khánh
Huyện Hồng Ngự - Đồng Tháp
South VIETNAM.



T 65g = 21.500

To: Bà Phước Minh Thọ
P.O. Box. 5435 ARLINGTON
VA. 22205-0635



DEC 1 6 1989

U.S.A

PAR AVION VIA AIR MAIL



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE: 703-560-0058

IV#: _____

VEWL.#: _____

I-171#: Y NO

EXIT VISA#: _____

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM LÊ MINH QUANG
(Ten Tu Nhan) Last (Ho) Middle First (Ten)

Current Address: Ấp Long Thành A, Xã Long Khánh A, Huyện Hồng Ngự - Đồng Tháp.

Date of Birth: 04.24.1951 Place of Birth: Thị trấn Mỹ - CẦN THƠ.

Thang - Ngày - Năm
Previous Occupation (before 1975) THIẾU ÚY - ĐẠI ĐỘI TRƯỞNG
(Rank & Position)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From 05.02.1975 To 09.15.1981
(Thang - Ngày - Năm) Years: _____ Months: _____ Days: _____

3. SPONSOR'S NAME: _____
(Neu co) Name
Address and Telephone Number

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

Name, Address & Telephone Number	Relationship
<u>LÊ MINH HÙNG</u>	<u>EM QUOT.</u>
_____	_____
_____	_____
_____	_____

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : LÊ MINH QUANG
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
1. Nguyễn thị Minh Hải	1951	Vợ
2. Lê thị Thu Anh	1972	Con gái
3. Lê thị Kim Cúc	1973	Con gái
4. Lê Minh Bảo	1983	Con trai
5. Lê Quốc Bảo	1987	Con trai

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

ADDITIONAL INFORMATION :

- LÊ MINH QUANG - SQ: 71/104.607.
* giáng hạ tại Ngã 15-9-1981
mẫu chế 12 tháng đến nay (1990)
chưa có quyết định xả chế.



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE: 703-560-0058

IV#: _____

VEWL.#: _____

I-171#: _____ Y _____ NO _____

EXIT VISA#: _____

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM LE MINH QUANG
(Ten Tu Nhan) Last (Ho) Middle First (Ten)
- Current Address: Ap Long Thanh A, Xã Long Khánh A, Huyện Hồng Lĩnh - Đồng Tháp
- Date of Birth: 04. 24. 1951 Place of Birth: Thiền Mỹ - Cần Thơ
Thang - Ngày - Năm
- Previous Occupation (before 1975) Thiền Mỹ - Đại B. Phấn
(Rank & Position)
2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From 05. 02. 1975 To 09. 15. 1981
(Thang - Ngày - Năm) Years: _____ Months: _____ Days: _____
3. SPONSOR'S NAME: _____
(Neu co) Name _____
Address and Telephone Number _____
4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

Name, Address & Telephone Number	Relationship
<u>LE MINH HUNG</u>	<u>Em ruột</u>
_____	_____
_____	_____
_____	_____

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : LÊ MINH QUANG
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
1 - Nguyễn Thị Minh Đài	1951	Vợ
2 - Lê Thị Thu Anh	1972	Con gái
3 - Lê Thị Kim Cúc	1973	Con gái
4 - Lê Minh Bảo	1983	Con trai
5 - Lê Quốc Bảo	1987	Con trai

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

ADDITIONAL INFORMATION :

- LÊ MINH QUANG - SQ: 71/104.607
 * Giấy Ra Trại ngày 15-9-1981
 mua Chè 12 tháng đầu nay (1990)
 Chưa có quyết định Ra Chè!

BỘ NỘI VỤ
CỤC QUẢN LÝ TRẠI GIAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TRẠI CẢI TẠO BẾN GIÁ
Số: 525 /GRT -81

GIẤY RA TRẠI

Căn cứ chỉ thị số 316/TTg ngày 22/8/1977 của Thủ Tướng Chính Phủ Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam về chính sách đối với binh sĩ, nhân viên các cơ quan chính quyền của chế độ cũ và đảng phái phản động đang bị tập trung cải tạo.

Căn cứ thông tư Liên Bộ Quốc Phòng-Nội vụ số: 07/TT/LB Ngày 29/12/1977 về việc thực hiện chỉ thị số: 316/TTg ngày 22/8/1977 của Thủ Tướng Chính Phủ.

Thi hành quyết định số: 2061 QĐ.UBT-81 Ngày 10-09-1981

CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CỬU LONG
CẤP GIẤY RA TRẠI

Họ và tên: Lê Minh Quang
Ngày, tháng, năm sinh: 1947
Quê quán: Thị trấn Mỹ, Vĩnh Long
Trú quán: Ấp Long, xã Mỹ, huyện Mỹ, tỉnh Vĩnh Long
Số lính, cấp bậc, chức vụ trong bộ máy chính quyền, quân sự và các tổ chức chính trị phản động của chế độ cũ: Thiếu úy đơn đốc trưởng liên đoàn 951-600
An Vĩnh Phong

Khi về, phải trực tiếp trình ngay giấy này với Ủy Ban Nhân dân xã, Công an xã, Phường: Long Khánh
thuộc huyện, quận: Huyện Mỹ tỉnh, thành phố: Đồng Tháp
và phải tuân theo các qui định của Ủy Ban Nhân Dân tỉnh, thành phố về việc quản chế, về nơi cư trú và các mặt quản lý khác:

- Thời hạn quản chế: Mười hai tháng
- Thời hạn đi đường: Ngày (kể từ ngày ký giấy ra trại)
- Tiền và lương thực đi đường đã cấp: _____

11/gày 15 tháng 09 năm 1981
P. GIÁM THỊ TRẠI

Thường vụ: Nguyễn Văn Cao



Long Thành A, ngày 8-03-90.
Kính thưa Quý Hội.

Tôi là: Lê Minh Quang - SQ: 71/104607
Cấp Địch Thiểu úy - Chức vụ: Đại đội trưởng
Đơn vị: Tiểu Đồn 951/ĐP/Vĩnh Long.
Nguyên tắc đây tôi đã gửi
Hộ-Sổ gia cho Quý hội:

Lần 1: Hộ-Sổ Địch ngày 20-11-89

Lần thứ 2: Hộ-Sổ gửi ngày 25-12-89

Hai lần Hộ-Sổ gửi gồm có:

- Giấy ra trại - 02 bản
- Khai Sách (Cái con)
- Cờ Cuộc Phấn nhân
- Giấy Chứng thư (bị thiêu trảm).

Lần thứ 3: Tập Hộ-Sổ gửi cho
Quý hội Địch ngày 22-02-1990.
gồm có:

- Giấy ra trại
- Khai Sách
- Hôn thú
- Giấy Chứng thư (bị thiêu trảm ở lần 3).

Ngày 06-3-1990 tôi nhận được thư
của Quý Hội đề ngày 25/02/1990. Như
vậy Hồ Sơ của tôi ra sao? Chì
vì nhận được, tôi không biết vì trong
thư có câu: "Mười Nhũ hội can thiệp
xin gửi đầy đủ Hồ Sơ, phải có giấy
ra trả!"

Như vậy, Quý Hội đã nhận
được Hồ Sơ của tôi. May Quý Hội
không mất lại 3 lần ấy để Hồ
Sơ tôi được đầy đủ. Tôi sẽ gửi
đính rất biết ơn Quý Hội.

Kính thư.



Lê Minh Quang.

THAY ĐỔI CHỖ Ở CẢ HỘ

Chứng nhận đã chuyển đến ở _____ Chứng nhận đã chuyển đến ở _____

Từ ngày _____ tháng _____ năm _____ Từ ngày _____ tháng _____ năm _____
Ký tên, đóng dấu, Ký tên, đóng dấu,

Chứng nhận đã chuyển đến ở _____ Chứng nhận đã chuyển đến ở _____

Từ ngày _____ tháng _____ năm _____ Từ ngày _____ tháng _____ năm _____
Ký tên, đóng dấu, Ký tên, đóng dấu,

NHỮNG THAY ĐỔI KHÁC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

NK 4

GIẤY CHỨNG NHẬN

HỘ KHẨU THƯỜNG TRÚ

Số 5998 CN

Họ và tên chủ hộ LE MINH QUANG

Thôn, bản, xóm, ấp, ngõ, số nhà ấp Long Thành A

Xã, thị trấn, đường phố Long Khánh

Tiểu khu, phường, đồn công an _____

Huyện, quận, khu phố, thị xã HN

Tỉnh, thành phố HT

Ngày _____ tháng _____ năm _____

Trưởng công an
(Ký tên, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

Tổng số _____

Trang số _____

95 Tập I

Trưởng Công an

TH: Deal V - Bep 21731

NHỮNG NGƯỜI THƯỜNG TRÚ TRONG HỘ

[illegible]

Fr: Phan Trung Tâm!
Số: 55 lý thường Kiệt &
Thị trấn Hàng Ngang,
Đống Tháp:

To: P.O. BOX. 5435
ARLINGTON, VA. 22205-0635.
U.S.A.

QUÂN-LỰC VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
THẺ CĂN - CƯỚC
QUÂN NHÂN

Số: 028642



Họ Tên

~~LÊ MINH CHANG~~

Cấp bậc

Thiếu úy

Số quân

71/104.607

Ngày, nơi sinh

24.04.1951

Thiên Mỹ Cần thơ

Cha

Lê-diệu-Dương

Mẹ

Nguyễn thị Chảo

QĐ. 849 A

AH 059705 Dấu vết hồng.
Vết sẹo dài xiên ngoài
đuôi này phải.

Cao : 1 th. 66

Loại máu : O RH

Số thẻ căn cước dân sự : 06697002
Ngày, nơi cấp 26.12.73 VLG

KBC 2125 ngày 25.11.74

Thiếu tá NGUYỄN XUÂN TRANG

Tham mưu phó Nhân viên

đo LAM QLVNCH

hau b



QUÂN-LỰC VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

THẺ CĂN - CHỨC

QUÂN NHÂN

028642



Họ tên

LÊ MINH-QUANG

Cấp bậc

Thiếu úy

Số quân

71/104.607

Nơi, nơi sinh

24.04.1951

Thiên-Mỹ Căn thơ

Chức

Lê-diệu-Dưỡng

Mẹ

Nguyễn thị Cháo

Alt 059705 Dấu vật chứng

Vết sẹo dài xiên ngoài
đuôi mảy phải.

Quân số 66

Loại vết: 0 r h



Số hồ sơ: 06697002
Ngày: 26.12.73 VIG

Khu: 4125 ngày 25.11.74

THIÊN-TIẾN NGUYỄN-XUÂN-TRANG

Tham Mưu Phó Nhân-Viên

Bộ LƯU QUÂNCH

hau b

CÔNG AN TỈNH ĐỒNG THÁP
PHÒNG QL.NNN-XC.NC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

Số 12 PB

PHIẾU BÁO

KÍNH GỜI Ông Lê Minh Dương

Hiện cư ngụ tại: Long Thành A, Long Thành, Huyện

Phòng Quân lý Người nước ngoài và Xuất cảnh — Nhập cảnh thông báo đến
gia đình Ông Bà: Mười Quang

Hồ sơ xin xuất cảnh đến nước: Hoa Kỳ (Mô)

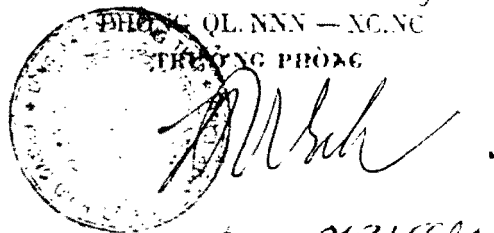
Thân nhân cùng đi gồm: 05 người

Hiện tại: đã chuyển hồ sơ về Cục QL.NC
Hố NĐ

Vào ngày 06 tháng 4 năm 1990 theo phiếu số: 568/PC.12

Vậy xin thông báo đến Ông Bà rõ.

Ngày 10 tháng 4 năm 1990



Nguyễn Việt Châu

Hồng Ngai, ngày 15-4-90.
Kính gửi Quý Hội.

Chúng tôi đã nhận được thư
của Quý Hội ngày 25-1-1990.

"Mười lăm lăm lăm lăm, xin gửi
đây đủ Hồ Sơ, phải có, gửi ra đây.

Ngày 15-3-90 chúng tôi đã gửi
Hồ Sơ qua cho Quý Hội đây đây
bây giờ cho Quý Hội, Hồ Sơ
của chúng tôi đã hoàn tất và gửi
về Cục quản lý XNC Hà Nội
ngày 06-4-1990. Như vậy:

- 1- Nguyễn Văn Hồng.
theo phiên số: 560/BCĐX.
- 2- Phạm Trung Tâm.
theo phiên số: 564/BCĐX.
- 3- Lê Minh Quang.
theo phiên số: 568/BCĐX.
- 4- Nguyễn Hữu Hùng.
theo phiên số: 569/BCĐX.

Diễn phan từ là : LÊ MINH QUANG
Số quân 70/104.607/CH

Cấp bậc : thiếu úy

Chức vụ : Đại đội trưởng

Đơn vị : Liên Đoàn 951/ĐP/VLg.

Cải tạo từ 2-9-75 đến 15-9-81.

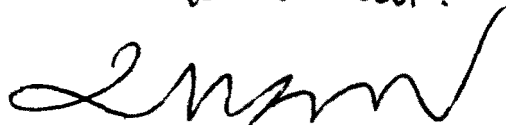
Kết quả:

Cải tạo 13 ngày 04 tháng 06 năm
Lên chế 12 tháng

Đến nay 1990 Chưa kết chế
Hoàn cảnh bae đại mang quý
Hội con thiệp và giúp đỡ nhanh
chóng.

Hồ sơ từ đã gửi cho quý
Hội 04 tập và đầy đủ hồ sơ
Tờ và gia đình Hong Cay
và chân thành cảm tạ
Quý Hội.

Kính thư.

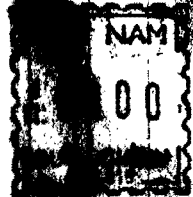


Lê Minh Quang.

Tg: Lê Minh Quang
long Trau, A, long Chau, A
Hồng Ngai - Đàng Trại.
V.N.

APR 0 2 1990

MAY BAY



Tg: Bà Khúc Minh Thù
P.O. BOX 5435, ARLINGTON
VA 22205 - 0635.
U.S.A.

Lê Minh Quang
Xã Long Khánh A
Huyện Hồng Ngự
ĐỒNG THÁP.

MAR 13 1990

MAY BAY

558 0000
257

Kg: Bà Khuê Minh Thơ
P.O. BOX 5435 ARLINGTON,
VA. 22205 - 0635.

U.S.A

